

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO **TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

Tên chương trình: Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh

Tên ngành: Quản trị kinh doanh

Mã ngành: 7340101

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Tên chương trình: Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh

Tên ngành: Quản trị kinh doanh

Mã ngành: 7340101

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHSPKTV, ngày
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh)*

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CỬ NHÂN QUẢN TRỊ KINH DOANH

*(Ban hành theo Quyết định số 141/QĐ-ĐHSPKTV ngày 15
tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm
Kỹ thuật Vinh)*

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

I.1. THÔNG TIN CHUNG

- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Mã ngành: 7340101
- Tên chương trình đào tạo: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Tên văn bằng: Đại học; Hình thức đào tạo: Chính quy
- Cơ sở cấp bằng: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh.
- Cơ sở tổ chức giảng dạy: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Phòng thực hành Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh.

I.2. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH CTĐT

CTĐT Kỹ sư ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh được xây dựng và điều chỉnh định kì dựa trên những căn cứ sau:

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;
- Luật Giáo dục số 34/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;
- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Chiến lược phát triển của Nhà trường trong giai đoạn 2021 – 2030 và tầm nhìn tới năm 2045;

I.3. TIÊU CHÍ TUYỂN SINH VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I.3.1. Tiêu chí tuyển sinh

Tuân theo đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được công bố trong Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, cập nhật tại: Website: <http://www.tuyensinh.vuted.edu.vn/>

Fanpage: <https://www.facebook.com/DaiHocSuPhamKyThuatVinh.Fanpage/>

Các tiêu chí tuyển sinh chính cụ thể là:

- Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước và nước ngoài;

- Đối tượng tuyển sinh: Các thí sinh đã tốt nghiệp THPT (tương đương trình độ THPT của Việt Nam) và đạt trình độ Tiếng Việt bậc 4 theo khung năng lực Tiếng Việt dành cho người nước ngoài, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào ngành Công nghệ thông tin theo Đề án tuyển sinh của Nhà trường;

- Phương thức tuyển sinh: Theo Quy định của Bộ GDĐT và được cụ thể hóa trong Đề án tuyển sinh của Nhà trường hàng năm. Trong 5 năm gần đây (từ 2018 đến 2022) phương thức tuyển sinh vào ngành Công nghệ thông tin quy định theo tổ hợp xét tuyển A00, A01, B00, D01;

- Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến: 120 chỉ tiêu/năm (trong đó diện xét kết quả thi tốt nghiệp THPT: 50 thí sinh, diện xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ): 70 thí sinh).

I.3.2. Chương trình đào tạo

- Quy trình đào tạo của CTĐT ngành Quản trị kinh doanh tuân theo quy định về quy chế đào tạo tại Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và được cụ thể hóa tại quyết định số 318/QĐ-ĐHSPKTV ngày 28/06/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPKT Vinh. Quy chế đào tạo theo tín chỉ đã tạo điều kiện để sinh viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo nhằm đạt được những kết quả

tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

- Quy chế đào tạo ban hành tại quyết định số 318/QĐ-ĐHSPKTV (gồm 5 chương, 19 điều) được áp dụng từ các khóa sinh viên ngành đào tạo Quản trị kinh doanh trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tuyển sinh từ năm 2021 (Đại học khóa 16) trở đi.

- Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh có khối lượng kiến thức toàn khóa theo thời gian đào tạo 4,0 năm gồm 146 Tín chỉ (TC) phân chia theo các khối kiến thức như sau:

- + Khối lượng kiến thức giáo dục đại cương: 46 TC
- + Khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 100 TC, trong đó:
 - a) Khối lượng kiến thức cơ sở ngành: 36 TC
 - b) Khối lượng kiến thức chuyên ngành: 64 TC
 - c) Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp: 7 TC
 - d) Thực tập tốt nghiệp: 7 TC
 - e) Đồ án tốt nghiệp: 9 TC

I.4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

I.4.1. Tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học, học kỳ

Theo quy định của Nhà trường trong quyết định số 318/QĐ-ĐHSPKTV ngày 28/06/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPKT Vinh, Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ (kể từ khóa 16) được tổ chức theo khóa học, năm học và học kỳ cụ thể như sau:

- Khóa học đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh được quy định chuẩn là 4,0 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương; 2,5 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp cùng ngành đào tạo; 1,5 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.

- Một năm học có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ. Mỗi học kỳ chính có 18 tuần thực học và 04 tuần thi. Học kỳ phụ có từ 06 tuần (kể cả thực học và thi). Tổ chức thêm học kỳ phụ (còn gọi là học kỳ hè) để tạo điều kiện cho sinh viên tham gia học lại, học bù hoặc học trước các môn học quy định trong chương trình.

I.4.2. Phân bố số học phần, tín chỉ cho từng năm học, từng học kỳ

Căn cứ vào khối lượng, nội dung kiến thức và điều kiện tiên quyết quy định cho mỗi học phần, Khoa và Phòng Đào tạo Nhà trường kế hoạch học tập chuẩn hóa toàn khóa. Bảng phân bố này được Nhà trường, Khoa công khai và phổ biến cho người học ngay từ khi nhập học cũng như ở thời điểm đầu mỗi học kỳ trong năm học.

Vào thời điểm đầu của năm học (tháng 8-9 hàng năm), Nhà trường ban hành Kế hoạch đào tạo năm học chung cho các ngành đào tạo của trường, trong đó có kế hoạch đào tạo

(các môn học, thời gian thực hiện) của các khóa sinh viên (từ năm thứ nhất đến năm thứ tư) của ngành Quản trị kinh doanh chi tiết đến từng tuần của năm học.

Đầu mỗi học kỳ, Khoa công bố công khai đến từng lớp sinh viên của các khóa học về các môn học trong kỳ (tên môn học, đề cương và giáo viên phụ trách giảng dạy) để giảng viên thực hiện, người học có chuẩn bị và định hướng học tập.

Số lượng các tín chỉ (học phần) phân bổ cho các học kỳ đồng đều (trung bình từ 19 đến 20 TC (tương ứng với 9 hoặc 10 học phần) đảm bảo cho người học không bị cảm giác quá tải ở một học kỳ nào đó.

Lịch bố trí các học phần liên quan đến thực hành tại phòng thực hành của Trường, thực tập tại các doanh nghiệp theo đúng lịch trình đào tạo, đảm bảo tính logic tuần tự: Học thực hành sau khi học phần lý thuyết. Tổ chức các học phần thực hành thực tập không làm xáo trộn, ảnh hưởng đến thời gian học tại trường cũng như việc di chuyển, đi lại của người học.

I.4.3. Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo

Trong Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường (Quyết định số 318/QĐ-ĐHSPKTV), Đối với mỗi hình thức đào tạo, nhà trường cung cấp kế hoạch học tập chuẩn hóa toàn khóa cho chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh là 4 năm.

Thời gian tối đa hoàn thành chương trình không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa của chương trình đào tạo.

I.5. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

1.5.1. Quy định về thực tập tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp và thi tốt nghiệp

Trong Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường (Quyết định số 318/QĐ-ĐHSPKTV), sinh viên năm cuối (học kỳ 8) của ngành Quản trị kinh doanh phải hoàn thành các học phần: Thực tập nghề nghiệp, Thực tập tốt nghiệp, Đồ án/tiểu luận tốt nghiệp.

Điều kiện tiên quyết để được thực hiện các học phần này là: Sinh viên đang trong thời gian còn phép học tại trường (tính cả thời gian thực tập tốt nghiệp) và không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

a) Thực tập nghề nghiệp tại doanh nghiệp: Các sinh viên đã hoàn thành các học phần chuyên ngành. Học phần Thực tập nghề nghiệp tại doanh nghiệp của ngành Quản trị kinh doanh quy định là 7 TC (tương đương 10 tuần); Căn cứ theo các nội dung kiến thức, kỹ năng, CĐR của học phần, Phòng Quan hệ Doanh nghiệp sẽ liên hệ, ký kết các hợp đồng với doanh nghiệp, bố trí giáo viên hướng dẫn và đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp cho mỗi sinh viên. Điểm đánh giá theo thang điểm 10.

c) Thực tập tốt nghiệp: Các sinh viên đã hoàn thành các học phần chuyên ngành. Học phần Thực tập tốt nghiệp của ngành Quản trị kinh doanh quy định là 7 TC (tương đương

10 tuần); Căn cứ theo các nội dung kiến thức, kỹ năng, CDR của học phần, Phòng Quan hệ Doanh nghiệp sẽ liên hệ, ký kết các hợp đồng với doanh nghiệp, bố trí giáo viên hướng dẫn và đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp cho mỗi sinh viên. Điểm đánh giá theo thang điểm 10.

c) Thực hiện Đồ án tốt nghiệp/Tiểu luận tốt nghiệp: Các sinh viên phải có Khối lượng kiến thức tích lũy được từ 80% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo, điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4) đối với học phần tiểu luận tốt nghiệp và điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2.5 trở lên (theo thang điểm 4) đối với học phần đồ án tốt nghiệp. Học phần đồ án/tiểu luận tốt nghiệp của ngành Quản trị kinh doanh quy định là 9 TC. Chấm điểm Đồ án/tiểu luận tốt nghiệp do Hội đồng chấm đồ án/tiểu luận tốt nghiệp thực hiện (Hội đồng được thành lập theo quyết định của Nhà trường).

I.5.2. Quy định về các điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

- Sinh viên ngành Quản trị kinh doanh được Nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Tích lũy đủ số học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- b) Điểm trung bình các học phần của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên theo thang điểm 4;
- c) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh, và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;
- d) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- đ) Hoàn thành tuần sinh hoạt công dân, đánh giá kết quả rèn luyện và nghĩa vụ học phí, lệ phí khác theo quy định của Nhà trường;
- e) Có đơn đề nghị xét tốt nghiệp và các hồ sơ theo quy định.

- Hội đồng xét tốt nghiệp của Nhà trường do Hiệu trưởng làm Chủ tịch, Trưởng phòng Quản lý đào tạo là thư ký; các ủy viên của Hội đồng là Giám đốc trung tâm khảo thí, Trưởng phòng công tác sinh viên, Trưởng khoa phụ trách chuyên ngành và các thành viên khác do Hiệu trưởng chỉ định. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp trình lên Hiệu trưởng.

- Căn cứ vào đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho các sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Ghi chú: Các thông tin khác về quy trình đào tạo của ngành Quản trị kinh doanh được tham khảo tại quyết định số 318/QĐ-ĐHSPKTV ngày 28/6/2021 về Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh.

I.6. NƠI LÀM VIỆC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh có thể làm việc, hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- a) Làm việc ở bộ phận quan hệ doanh nghiệp hoặc ứng dụng Quản trị kinh doanh của các đơn vị có nhu cầu;
- b) Làm việc trong các tổ chức, doanh nghiệp, quản lý điều hành sản xuất phân phối hàng hóa trong nước cũng như nước ngoài;
- c) Làm việc trong các tổ chức, vận hành và phát triển hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo sự tăng trưởng bền vững của doanh nghiệp. Ngành này bao gồm việc xây dựng hệ thống, quy trình và tối ưu hóa hiệu suất thông qua tư duy chiến lược và quyết định của nhà quản lý.
- d) Chuyên viên kinh doanh, kế hoạch, marketing, hỗ trợ – giao dịch khách hàng tại các công ty, tập đoàn tài chính, chứng khoán, thương mại và dịch vụ.
- e) Khởi nghiệp và tự điều hành doanh nghiệp riêng, phát triển ý tưởng kinh doanh và xây dựng thương hiệu cá nhân.
- f) Giảng dạy, nghiên cứu về Quản trị kinh doanh tại các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.

I.7. CƠ HỘI TIẾP TỤC HỌC TẬP Ở CÁC BẬC CAO HƠN

Sau khi tốt nghiệp ngành Cử nhân Quản trị kinh doanh, sinh viên có thể theo học các chương trình đào tạo Thạc sĩ tại các trường đại học trong nước như Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Thương Mại ... hay đi du học ở các bậc cao hơn ở các trường Đại học khác trên thế giới.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh có khả năng tự học tập, nghiên cứu sâu các chuyên ngành hẹp của Quản trị mới như Quản trị điều hành kênh phân phối, Quản trị thương hiệu, Quản trị công nghệ, Quản trị dự án đầu tư,....

I.8. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

I.8.1. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của Khoa

Khoa Kinh tế có đội ngũ cán bộ, giảng viên hiện nay có 14 người, trong đó bao gồm 01 Trưởng khoa, 01 Trưởng Bộ môn và 12 cán bộ, giảng viên cơ hữu. Về văn bằng, học vị, Khoa có 03 TS và 11 Thạc sĩ. Đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu của Khoa có trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm giảng dạy lâu năm trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

Các cán bộ giảng viên trong Khoa đều có trình độ, kiến thức chuyên ngành vững vàng, có khả năng nghiên cứu khoa học, thực hiện các đề tài, dự án phục vụ quá trình giảng dạy.

Bảng I.1. Thống kê đội ngũ giảng viên của Khoa Công nghệ Thông tin năm học 2023-2024

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng	Tỷ lệ %	Phân loại theo giới tính, người		Phân loại theo độ tuổi, người				
				Nam	Nữ	<30	31-40	41-50	51-60	> 60
1	Tiến sĩ	03	21,42 %	1	2		1	2		
TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng	Tỷ lệ %	Phân loại theo giới tính, người		Phân loại theo độ tuổi, người				
				Nam	Nữ	<30	31-40	41-50	51-60	> 60
2	Thạc sĩ	11	78,58 %	0	11		10	1		
Tổng số		14								

I.8.2. Cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy

Cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy ngành Quản trị kinh doanh bao gồm các giảng đường, phòng học, các phòng chuyên môn hóa, phòng thực hành quản trị kinh doanh.

Sinh viên của ngành quản trị kinh doanh lên lớp tại các phòng học, giảng đường dùng chung của Nhà trường theo thời khóa xây dựng từ mỗi đầu học kỳ. Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường là 58.815 m² đảm bảo phục vụ cho quy mô và đặc điểm lớp học của các ngành đào tạo trong Nhà trường. Các giảng đường phòng học có nhiều kích cỡ phù hợp với khối lượng sinh viên học tập.

Khoa Kinh tế quản lý trực tiếp 02 phòng thực hành (1 phòng 30 máy tính), 01 phòng thực hành sửa chữa, lắp ráp máy tính, 01 phòng thực hành mạng: Máy chủ, Router, Switch, Firewall, Các phòng thực hành đã phục vụ rất hiệu quả cho giảng dạy của chuyên ngành.

Do trong chương trình đào tạo các học phần thực hành chiếm trên 60% nên các sinh viên được học tập, rèn luyện kỹ năng chuyên môn thành thực nên khi đi thực tập nghề nghiệp tại các doanh nghiệp, các sinh viên có thể nhanh chóng làm quen trong môi trường thực tế của doanh nghiệp. Các ý kiến phản hồi của các cựu sinh viên cũng như các đóng góp từ các doanh nghiệp mà Khoa đưa sinh viên đến thực tập đều đánh giá tốt về khả năng chuyên môn của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh.

Bảng I.2. Thống kê phòng thực hành/chuyên môn hóa về quản trị kinh doanh

TT	Tên phòng thực hành/chuyên môn hóa	Địa điểm	Nội dung công việc của phòng
----	--	-------------	------------------------------

1	Phòng thực hành máy tính	305.A3	Quản trị công nghệ, Thực hành phần mềm quản trị; Điều hành kênh phân phối; quản trị nhân lực; Thực hành nhập môn quản trị ; quản trị văn phòng; quản trị marketing; thương mại điện tử; quản trị dự án đầu tư;
qua n	Phòng thực hành máy tính	506.A3	Thực hành nhập môn quản trị ; phân tích hoạt động kinh doanh; marketing căn bản; quản trị thực hiện công việc; quản trị nhóm làm việc; quản trị thương hiệu; quản trị tài chính; Thực tập chuyên ngành quản trị kinh doanh

Các phòng thực hành của chuyên ngành được đầu tư mua sắm, trang bị theo kế hoạch mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy học hàng năm được Nhà trường phê duyệt.

Nhà trường có thư viện dùng chung tổng diện tích 1560 m², bố trí tại tầng 9, 10 tòa nhà NCKH & CGCN (Nhà 11 tầng). Ngoài các phòng nghiệp vụ và kho sách, Thư viện có bố trí 5 phòng đọc với diện tích 530 m² trong đó bố trí 222 máy tính nối mạng Internet, số bàn ghế đảm bảo cho gần 400 sinh viên có thể đọc sách và tra cứu đồng thời. Thư viện có tổng số 2888 đầu sách và tạp chí các lĩnh vực khoa học xã hội và công nghệ kỹ thuật; 1200 khóa luận tốt nghiệp (số liệu thống kê tháng 10/2022). Trong đó số đầu sách đầu sách giáo khoa, sách tham khảo thuộc lĩnh vực Quản trị kinh doanh có 150.

Qua các phân tích trên có thể khẳng định: các trang bị, cơ sở vật chất của Nhà trường đã đáp ứng đầy đủ, cập nhật các công nghệ hiện đại đảm bảo cho chất lượng đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh để đạt các chuẩn đầu ra mà Nhà trường đã cam kết với người học.

PHẦN II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ, MA TRẬN KỸ NĂNG, CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

II.1. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu của Chương trình đào tạo Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh được xây dựng phù hợp với Sứ mạng - Tầm nhìn - Giá trị văn hóa – Triết lý giáo dục được xác định tại Quyết định số 160/QĐ-ĐHSPKTV ngày 26/3/2018 về việc công bố sứ mạng, tầm nhìn, giá trị văn hóa của Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh và bản công bố ban hành sổ tay đảm bảo chất lượng năm 2022 theo số 698/QĐ-ĐHSPKTV ngày 24/10/2022; triết lý giáo dục của Nhà trường cũng được công bố trong chiến lược phát triển của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2045; Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành Quản trị kinh doanh cũng tương thích, phù hợp với Tầm nhìn – Sứ mạng của Nhà trường, nhằm bồi dưỡng con người, định hướng đào tạo cử nhân kinh tế, phát triển nghiên cứu khoa học và đáp ứng các nhu cầu xã hội cùng hội nhập quốc tế.

II.1.1. Mục tiêu sứ mạng, tầm nhìn, giá trị văn hóa, triết lý giáo dục của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh là cơ sở giáo dục đại học công lập, trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo của Bộ Giáo dục và đào tạo, có chức năng đào tạo giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp trình độ sau đại học, đại học và cao đẳng; đào tạo nhân lực trình độ sau đại học, đại học và cao đẳng các chuyên ngành kỹ thuật, công nghệ, kinh tế; nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ đào tạo, giáo dục nghề nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật.

II.1.1.1. Mục tiêu sứ mạng: Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh mang đến cơ hội và môi trường đào tạo, NCKH chất lượng, uy tín trong lĩnh vực giáo dục kỹ thuật, kỹ thuật công nghệ, kinh tế và xã hội theo hướng ứng dụng; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho giáo viên và người lao động đạt chuẩn Quốc gia, Quốc tế.

Giai đoạn 2021 – 2030 và tầm nhìn đến năm 2045:

a) Mục tiêu đến năm 2030: Xây dựng Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh trở thành trường đại học đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực theo định hướng ứng dụng có uy tín là Trường tốp đầu ở Bắc Miền Trung; kết hợp công tác đào tạo và NCKH, ứng dụng chuyển giao công nghệ, khoa học kỹ thuật vào thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của Nghệ An và cả nước.

b) Tầm nhìn đến năm 2045: Xây dựng Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh trở thành trường đại học định hướng ứng dụng, phát triển bền vững, có trình độ quản lý, quản trị hiện đại, có năng lực đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ cao trong tốp đầu của

Việt Nam, trong đó một số ngành, lĩnh vực đạt chuẩn khu vực và quốc tế về giáo dục kỹ thuật và kỹ thuật công nghệ.

II.1.1.2. Giá trị văn hóa: “Đạo đức - Chuyên nghiệp - Sáng tạo”

1. **Đạo đức - Trung thực:** Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh luôn đề cao giá trị đạo đức, tính trung thực của mỗi cá nhân đối với tập thể, của nhà trường đối với xã hội.

2. **Chuyên nghiệp - Trách nhiệm:** Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh yêu cầu tính chuyên nghiệp trong các hoạt động và trách nhiệm đối với tập thể, trách nhiệm đối với xã hội. Mỗi thành viên phải thực sự chuyên nghiệp, trách nhiệm, cống hiến, tôn trọng luật pháp và quy định của Nhà trường. Nhà trường cam kết và thực hiện nghiêm túc các cam kết của nhà trường với người học, với xã hội.

3. **Sáng tạo - Hiệu quả:** Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh luôn khuyến khích sự đổi mới, sáng tạo và hiệu quả trong công việc. Luôn tôn trọng sự khác biệt trong giảng dạy và nghiên cứu, trong xây dựng và phát triển nhà trường.

II.1.1.3. Triết lý giáo dục: “Kiến thức - Kỹ năng - Hội nhập”

1. **Kiến thức:** Trường Đại học SPKT Vinh cung cấp đầy đủ các kiến thức nền tảng vững chắc, kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp, đồng thời truyền cảm hứng và trợ giúp cho sinh viên để đạt hiệu quả mong muốn. Sinh viên tìm thấy niềm vui trong học tập, tạo cảm hứng và yêu mến học tập, học suốt đời.

2. **Kỹ năng:** Trường Đại học SPKT Vinh luôn đề cao tính ứng dụng vào thực tiễn; Sinh viên sẽ được thực tập, rèn luyện kinh nghiệm trong môi trường làm việc thực tế và tích lũy đủ kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn phù hợp với nghề nghiệp để triển khai các công việc thực tế sau khi ra trường.

3. **Hội nhập:** Trường Đại học SPKT Vinh luôn chú trọng sự kết nối giữa nhà trường, cộng đồng và doanh nghiệp, tổ chức nhiều hoạt động hợp tác, liên kết, ngoại khóa để trau dồi kỹ năng sống và kỹ năng hội nhập cho sinh viên.

II.1.1.4. Mục tiêu đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Trong chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2045 đã xác định rõ các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể cũng như các chỉ tiêu phát triển trong các lĩnh vực hoạt động chính của Nhà trường.

Mục tiêu chung:

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh là trường đại học đa ngành, đa cấp trình độ và đa hệ đào tạo trong lĩnh vực sư phạm kỹ thuật, kỹ thuật công nghệ và các lĩnh vực kinh tế khác. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao sản phẩm công nghệ phù hợp với các ngành nghề mà nhà trường đào tạo. Từng bước xây dựng Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vinh trở thành trường đại học sư phạm kỹ thuật trọng điểm quốc gia.

Phát triển quy mô một cách hợp lý đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo; cơ cấu ngành nghề đào tạo phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước.

Các mục tiêu cụ thể:

Ổn định và tăng dần quy mô đào tạo, đến năm 2025 đạt quy mô trên 8.000 đến, đến năm 2030 là trên 10.000 sinh viên;

Phát triển ngành, nghề đào tạo theo hướng phát huy thế mạnh của Nhà trường về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy nghề; đào tạo kỹ sư công nghệ, kỹ thuật viên. Đến năm 2025, có 1 - 2 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ, 5 - 7 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ, 15 - 17 ngành đào tạo đại học, 18 - 20 nghề đào tạo trình độ cao đẳng;

Phát triển quy mô đi đôi với giữ vững và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo về mọi mặt. Đảm bảo chất lượng đào tạo nguồn nhân lực về trình độ chuyên môn và kỹ năng thực hành; đào tạo gắn với nhu cầu xã hội, gắn với thực tiễn sản xuất và hội nhập quốc tế; Phân đầu để sản phẩm đào tạo của Nhà trường đạt chuẩn trình độ quốc gia vươn tới chuẩn trình độ khu vực và quốc tế.

II.1.1.5. Định hướng, mục tiêu với các lĩnh vực chủ yếu về đào tạo

Chiến lược phát triển các hoạt động đào tạo:

- Giai đoạn 2022-2025:

+ Quy mô đào tạo trên 8.000.

+ Phát triển chương trình, giáo trình đào tạo tiếp cận CDIO; Phát triển ngành, nghề đào tạo theo hướng phát huy thế mạnh của Nhà trường về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy nghề; đào tạo kỹ sư công nghệ, kỹ thuật viên. Đến năm 2025, có 1 - 2 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ, 5 - 7 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ, 15 - 17 ngành đào tạo đại học, 18 - 20 nghề đào tạo trình độ cao đẳng.

- Giai đoạn 2025-2030:

+ Ổn định và tăng dần quy mô đào tạo trên 10.000 sinh viên.

+ Đến năm 2030, Trường Đại học SPKT Vinh trở thành cơ sở đào tạo đại học và sau đại học theo định hướng nghề nghiệp - ứng dụng thu hút nhiều sinh viên trong nước và các nước trong khu vực ASEAN đến học; cùng các trường đại học khác trong vùng góp phần đắc lực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, khu vực và của cả nước.

+ Phát triển ngành nghề đào tạo, đến năm 2030 có 3 – 5 ngành đào tạo tiến sĩ, 7 – 10 ngành đào tạo thạc sĩ.

- Giai đoạn 2030-2045:

Đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ cao trong tốp đầu của Việt Nam, trong đó một số ngành, lĩnh vực đạt chuẩn khu vực và quốc tế về giáo dục kỹ thuật và kỹ thuật công nghệ.

Chiến lược phát triển các hoạt động nghiên cứu khoa học:

- Giai đoạn 2022-2025:

+ Xây dựng cơ chế đổi mới hoạt động khoa học và công nghệ, trong đó tập trung vào việc thực hiện nhiệm vụ NCKH theo đặt hàng theo hướng kiểm soát sản phẩm cuối, ứng dụng thực tiễn đào tạo, sản xuất và đổi mới sáng tạo khởi nghiệp; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực khoa học để tiếp cận các nền khoa học tiên tiến.

+ Tập trung vào việc xây dựng và phát triển tạp chí khoa học của Nhà trường, từng

bước nâng cao uy tín về lĩnh vực khoa học kỹ thuật và dạy nghề; Tham gia và chủ trì tổ chức các hội thảo quốc gia và quốc tế để nâng tầm thương hiệu khoa học của Nhà trường; Vận hành các nhóm nghiên cứu liên ngành, chuyên sâu và tham gia đề xuất các đề tài, dự án KHCN, tạo được nguồn thu từ các hoạt động NCKH và CGCN.

- Giai đoạn 2025-2030:

+ 100% giảng viên có thực hiện nhiệm vụ NCKH, phấn đấu ít nhất 50% hoàn thành và vượt định mức nhiệm vụ NCKH theo quy định.

+ Quy hoạch lại hệ thống phòng thí nghiệm, khu vực nghiên cứu, sản xuất nhằm thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu.

+ Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu theo hướng chuyên sâu.

+ Thành lập trung tâm ươm tạo khoa học với chính sách khuyến khích cán bộ, giảng viên, sinh viên tham gia nghiên cứu.

+ Thành lập doanh nghiệp KHCN với cơ chế tự chủ tài chính, chuyển giao kết quả nghiên cứu cho các doanh nghiệp, tổ chức, đảm bảo nguồn thu từ các hoạt động NCKH, CGCN theo lộ trình tài chính.

- Giai đoạn 2030-2045:

+ NCKH và CGCN theo hướng thực nghiệm trở thành một trong những hoạt động chính; phấn đấu đến năm 2040 Nhà trường là trung tâm nghiên cứu hàng đầu của khu vực trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, thu hút sự đầu tư, đặt hàng nghiên cứu của doanh nghiệp.

+ Mở rộng phạm vi hợp tác NCKH với các trường đại học trong và ngoài nước; các doanh nghiệp mạnh trong nước, công ty đa quốc gia trong nghiên cứu sản phẩm mới.

Chiến lược phát triển hợp tác quốc tế về đào tạo:

- Giai đoạn 2022-2025:

+ Tiếp tục duy trì chặt chẽ mối quan hệ với các đối tác truyền thống như Lào, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hội đồng Anh và một số đối tác khác để tuyển sinh du học sinh, các chương trình trao đổi, liên kết đào tạo và dự án quốc tế.

+ Mở rộng quan hệ với các trường đại học, tổ chức của các nước như Campuchia, Thái Lan, Đài Loan, Trung quốc và một số nước khác trong khối ASEAN nhằm tranh thủ tìm kiếm các chương trình tài trợ, dự án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

+ Tăng cường kết nối với các trường đại học trong nước và quốc tế trong việc phối hợp tham gia các hoạt động NCKH như hội nghị, hội thảo.

- Giai đoạn 2025-2045:

+ Tăng cường sự ảnh hưởng của Nhà trường trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đối với các trường cao đẳng, trung cấp của Lào bằng thông qua các hoạt động bồi dưỡng, hợp tác trong nghiên cứu, hội thảo và các chương trình trao đổi khác.

+ Thu hút sinh viên quốc tế, đặc biệt là các nước trong khu vực ASEAN đến học tập, trao đổi thông qua các chương trình hợp tác song phương và đa phương.

+ Tìm kiếm đối tác để triển khai chương trình liên kết đào tạo sau đại học, thu hút các chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy, nghiên cứu tại Nhà trường; từng bước hình thành nhóm trường để trao đổi học thuật, tham gia giảng dạy, nghiên cứu lẫn nhau.

II.1.2. Mục tiêu, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Ngành Quản trị kinh doanh

Mục tiêu của Ngành Quản trị kinh doanh Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh là: Cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu của Ngành nêu trên hoàn toàn phù hợp và là cụ thể hóa mục tiêu sứ mạng của Nhà Trường đã nêu trong Quyết định số 160/QĐ-ĐHSPKTV ngày 26/3/2018 về việc công bố sứ mạng, tầm nhìn, giá trị văn hóa của Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh và bản công bố ban hành sổ tay đảm bảo chất lượng năm 2022 theo số 698/QĐ-ĐHSPKTV ngày 24/10/2022.

Triết lý giáo dục của ngành Quản trị kinh doanh dựa trên triết lý giáo dục của Unesco, theo đó, nền tảng giáo dục được xây dựng dựa trên bốn trụ cột cơ bản: Học để biết, Học để làm, Học để khẳng định bản thân, và Học để chung sống.

Học để biết: Học tập là cách để con người hiểu biết thế giới tự nhiên và cuộc sống xã hội xung quanh mình. Dựa trên nền tảng triết lý này, sinh viên của ngành phải được trang bị đầy đủ kiến thức cơ bản lẫn chuyên sâu về quản trị kinh doanh.

Học để làm: Là học các kiến thức nghiệp vụ chuyên môn, các kỹ năng của ngành quản trị kinh doanh. Dựa trên nền tảng triết lý này, khoa xác định việc thực hành nghề nghiệp có vai trò quan trọng trong đào tạo, học phải đi đôi với hành, những kiến thức được tiếp nhận từ nhà trường sẽ giúp sinh viên vận dụng linh hoạt vào quá trình làm việc sau khi tốt nghiệp. Khẩu hiệu hành động của ngành quản trị kinh doanh Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh là: “Các nội dung lý thuyết đều phải được thực hành”. Khẩu hiệu này định hướng các hoạt động đào tạo cử nhân theo hướng thực hành, phát triển nghiên cứu ứng dụng và đáp ứng các nhu cầu xã hội cùng hội nhập quốc tế.

- Học để khẳng định bản thân: Trong thời đại văn minh và đa dạng như hiện nay, khẳng định giá trị của bản thân là một trong những nhân tố quan trọng cho sự thành công. Muốn vậy, mỗi người phải phát triển được giá trị của riêng mình. Dựa trên nền tảng triết lý này, giáo dục phải hướng đến hình thành tư duy sáng tạo, độc lập của người học nhằm đáp ứng được yêu cầu phát triển công nghiệp ô tô của đất nước và hội nhập quốc tế. Đề cao nỗ lực và tự chủ chịu trách nhiệm cá nhân và phát huy khả năng nghiên cứu khoa học của người học.

- Học để chung sống: Là khả năng hòa nhập xã hội, có kỹ năng giao tiếp, ứng xử để tự thích nghi với mọi môi trường sống, các quan hệ phức tạp của con người trong quá trình sống để không bị tụt hậu, lạc lõng. Dựa trên nền tảng triết lý này, giáo dục phải hướng đến trang bị cho người học các kỹ năng sống, các kiến thức ngoại ngữ và tin học để hòa nhập xã hội đa văn hóa và khả năng học tập suốt đời.

Bốn trụ cột giáo dục của UNESCO đều đòi hỏi năng lực tự học suốt đời và năng lực văn hóa-xã hội mới có thể phát triển toàn diện về tư duy và nhân cách. Như vậy, các kết quả học tập dự kiến hay CĐR của các chương trình giáo dục đại học không thể thiếu 2 yếu tố này. Những kết quả dự kiến (CĐR) sẽ là cơ sở cho việc thiết kế cấu trúc và nội dung CTĐT, phương thức đào tạo và đánh giá được các mức độ đạt CĐR của người học.

Tầm nhìn đến năm 2045

Trong 12 năm qua (từ 2011 đến 2023) ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh đã có những bước phát triển vững chắc và trưởng thành: Số sinh viên theo học có dao động nhưng nhìn chung tăng dần qua các năm, số lượng cán bộ giáo viên được bổ sung, ổn định và được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn hàng năm, cơ sở vật chất phục vụ cho thực hành và nghiên cứu khoa học phát triển tương xứng với quy mô đào tạo và trình độ công nghệ kinh tế lĩnh vực quản trị kinh doanh hiện đại. Hiện tại, số lượng sinh viên nhập học hàng năm của ngành ổn định ở mức 100 sinh viên.

Cụ thể hóa các công bố về Tầm nhìn (đến năm 2045) của Nhà Trường, tầm nhìn đến năm 2045 của ngành Quản trị kinh doanh Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh là: Đào tạo về lĩnh vực Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng, đạt chuẩn quốc gia, hướng dẫn tiếp cận chuẩn quốc tế; là đơn vị nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước, trong khu vực và quốc tế.

Định hướng phát triển của ngành Quản trị kinh doanh

Thường xuyên nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ - giảng viên; đổi mới chương trình và phương pháp đào tạo theo hướng tích cực lấy người học làm trung tâm; xây dựng cơ sở vật chất, xưởng thực hành đáp ứng yêu cầu của quy mô và đảm bảo chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế trong các lĩnh vực quản trị kinh doanh.

II.1.3. Mục tiêu đào tạo của CTĐT cử nhân Quản trị kinh doanh

Mục tiêu của CTĐT cử nhân quản trị kinh doanh bao gồm mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể. Mục tiêu chung mang tính khái quát, phù hợp với các phát biểu về sứ mạng tầm nhìn của Chiến lược phát triển chung của Nhà trường. Các mục tiêu cụ thể là kỳ vọng của Nhà trường về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của người tốt nghiệp CTĐT ngành Quản trị kinh doanh; mục tiêu cụ thể còn làm tăng tính thuyết phục của CTĐT ngành QTKD đối với người học.

A. Mục tiêu chung của CTĐT

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành quản trị kinh doanh trở thành công dân tự chủ và có trách nhiệm xã hội; có các phẩm chất cần thiết để sẵn sàng làm việc và thích ứng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có năng lực nghề nghiệp

chuyên sâu và năng lực đổi mới sáng tạo để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có năng lực tự học để nâng cao trình độ chuyên môn.

B. Các mục tiêu cụ thể

Bảng II.1. Các Mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành Quản trị kinh doanh

Mục tiêu	Nội dung mục tiêu
PO1	Vận dụng kiến thức cơ bản và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.
PO2	Thể hiện các phẩm chất, kỹ năng cá nhân và định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.
PO3	Thể hiện năng lực giao tiếp, làm việc nhóm với cá nhân, tổ chức và ứng dụng quản trị kinh doanh trong các hoạt động nghề nghiệp.
PO4	Phát triển năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành, đánh giá và cải tiến hoạt động trong lĩnh vực quản trị kinh doanh phù hợp để đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

Mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể (Bảng II.1) của CTĐT ngành Quản trị kinh doanh hoàn toàn phù hợp với các mục tiêu đào tạo của Nhà trường theo định hướng ứng dụng. Các mục tiêu của CTĐT này là cụ thể hóa trong lĩnh vực đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh các nội dung về mục tiêu giáo dục đại học ghi tại điều 5 của Luật GDĐH số 08/2012/QH13 và Luật GDĐH sửa đổi bổ sung năm 2019 (“Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài...Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo”).

Đối sánh các mục tiêu của CTĐT của ngành đã được Nhà trường duyệt công bố theo quyết định 325/QĐ-ĐHSPKTV ngày 26/6/2020, áp dụng từ khóa học 2020 với các mục tiêu đào tạo của CTĐT này (đề nghị Nhà trường phê duyệt áp dụng từ khóa học 2023) cho thấy: mục tiêu đào tạo ghi trong 2 phiên bản CTĐT về cơ bản hoàn toàn đáp ứng và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và chiến lược phát triển của Nhà Trường giai đoạn 2018-2023, tầm nhìn 2030; phù hợp với mục tiêu giáo dục ĐH theo quy định tại Luật Giáo dục Việt Nam cũng như phù hợp với chiến lược phát triển của ngành. Tuy nhiên, trong CTĐT 2020 mới đề ra được mục tiêu đào tạo chung, định hướng cho khoảng thời gian dài. Trong CTĐT năm 2022, để làm rõ các kỳ vọng của Nhà trường về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của người tốt nghiệp CTĐT ngành Quản trị kinh doanh, tăng tính thuyết phục của CTĐT đối với người học, nên ngoài mục tiêu chung đã bổ sung thêm các mục tiêu cụ thể của CTĐT (các mục tiêu bổ sung được đánh mã số từ PO1 đến PO4, xem bảng II.1).

II.2. CHUẨN ĐẦU RA (CĐR) CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CĐR của CTĐT được quy định (định nghĩa) trong các văn bản của Bộ GDĐT: “CĐR là các yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cơ sở giáo dục cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện.” (Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 và Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

“CĐR là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp”. (Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT).

Việc công bố CĐR của CTĐT sẽ giúp người học hiểu rõ sẽ đạt được những gì sau khi học xong chương trình, từ đó giúp họ thành công hơn trong việc học; Giúp các giảng viên định hướng các hoạt động dạy và học vào những năng lực người học cần đạt được; Giúp người sử dụng lao động biết được những năng lực người học được đào tạo; Cung cấp những thông tin cần thiết trong hồ sơ học tập của người học trong trường hợp người học chuyển đổi trường hoặc học lên cao.

Công bố CĐR của CTĐT là yêu cầu bắt buộc đối với nguyên lý đào tạo lấy người học làm trung tâm, tập trung vào những gì người học có thể làm được trong thực tiễn ngay sau khi kết thúc một khóa học hoặc một chương trình học.

CĐR của CTĐT ngành quản trị kinh doanh Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh được xây dựng căn cứ vào các Thông tư hướng dẫn của Bộ GDĐT (Thông tư số T17/2021/TT-BGDĐT) và các văn bản quyết định, hướng dẫn của Nhà trường (Quyết định số 141/QĐ-ĐHSPKTV, ngày 15/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, áp dụng cho các khóa học từ 2022). CĐR của CTĐT ngành Quản trị kinh doanh hoàn toàn đáp ứng và là cụ thể hóa các CĐR của bậc 6 (trình độ đại học) của Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam, số 1932/QĐ-TTg ban hành ngày 18/10/2016) cho đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh.

Trong quá trình xây dựng CĐR của CTĐT năm 2022, Khoa đã tham khảo ý kiến các bên liên quan là các doanh nghiệp liên quan đã có tiếp nhận các sinh viên của ngành đến thực tập hoặc nhận vào làm việc sau khi sinh viên đã tốt nghiệp và ý kiến phản hồi từ các cựu sinh viên đã tốt nghiệp ở các khóa học của ngành Quản trị kinh doanh.

CĐR của CTĐT năm 2022 ngành QTKD bao gồm 19 chuẩn đầu ra trong đó gồm 3 CĐR về kiến thức và lập luận ngành, 6 CĐR về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, 4 CĐR về kỹ năng giao tiếp (làm việc nhóm và giao tiếp) và 6 CĐR về hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp của người học sau khi hoàn thành CTĐT. Bảng II.2 trình bày các CĐR của CTĐT ngành QTKD áp dụng từ năm 2022.

Bảng II.2. CDR của CTĐT năm 2022 ngành Quản trị kinh doanh

Mã hiệu CDR	CDR CỦA CTĐT
	I. Chuẩn về kiến thức và lập luận ngành
PLO1.1	Vận dụng kiến thức toán học, toán rời rạc, KHXH - NV, KHTN, GDTC, ANQP, kiến thức phương pháp luận vào học tập và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh
PLO1.2	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành để tiếp thu kiến thức ngành quản trị kinh doanh và phát triển năng lực CDIO
PLO1.3	Áp dụng kiến thức chuyên ngành vào xác định, giải quyết các vấn đề liên quan đến việc lựa chọn ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành các ứng dụng trong ngành quản trị kinh doanh.
	II. Chuẩn về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp
PLO2.1	Áp dụng các kiến thức cơ bản về toán và vật lý để giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành quản trị kinh doanh
PLO2.2	Thể hiện kỹ năng lập luận, phát hiện và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh
PLO2.3	Nghiên cứu và khám phá kiến thức trong lĩnh vực quản trị kinh doanh
PLO2.4	Tư duy một cách hệ thống về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản trị kinh doanh
PLO2.5	Vận dụng tri thức vào thực tiễn
PLO2.6	Đổi mới sáng tạo và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp
	III. Chuẩn về kỹ năng giao tiếp: làm việc nhóm và giao tiếp
PLO3.1	Giao tiếp có hiệu quả trong môi trường đa nhân cách
PLO3.2	Sử dụng tiếng Anh để giao tiếp và thực hiện hoạt động nghề nghiệp
PLO3.3	Làm việc theo nhóm đa lĩnh vực
PLO3.4	Ứng dụng quản trị kinh doanh trong hoạt động nghề nghiệp
	IV. Chuẩn về hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện, và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường – quá trình sáng tạo
PLO4.1	Phân tích bối cảnh xã hội và tác động đến nghề nghiệp
PLO4.2	Xác định bối cảnh nghề nghiệp và kinh doanh
PLO4.3	Hình thành ý tưởng về sản phẩm, quy trình, hệ thống mạng, phần mềm và hệ thống thông tin.
PLO4.4	Thiết kế sản phẩm, quy trình, hệ thống mạng, phần mềm và hệ thống thông tin.
PLO4.5	Triển khai xây dựng và phát triển sản phẩm, quy trình, hệ thống quản trị.
PLO4.6	Vận hành sản phẩm, quy trình, hệ thống trong lĩnh vực quản trị kinh doanh

CĐR của CTĐT năm 2022 có những điểm ưu việt so sánh với CĐR của CTĐT năm 2020, cụ thể là:

- Các CĐR của CTĐT năm 2020 được trình bày dưới dạng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng cứng, kỹ năng mềm... Cách tiếp cận như vậy chưa đạt được kỳ vọng lấy người học làm trung tâm, chưa làm rõ được các kiến thức, kỹ năng mà người học có thể đạt được qua quá trình đào tạo cũng như lượng hóa nhằm mục đích đánh giá các năng lực mà người học cần đạt được.

- Các CĐR của CTĐT năm 2022 phù hợp với các phương pháp đánh giá chất lượng của CTĐT lấy người học làm trung tâm do Bộ GDĐT ban hành, Các CĐR được mã hóa PLOx.x để thuận lợi cho việc xây dựng các ma trận kỹ năng phản ánh sự đóng góp các CĐR mỗi học phần của CTĐT vào CĐR chung của chương trình.

Quan hệ giữa các CĐR của CTĐT với mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành Quản trị kinh doanh được trình bày trong bảng II.3 cho thấy, các mong muốn, kỳ vọng của Nhà trường (thể hiện qua các mục tiêu đào tạo của CTĐT) hoàn toàn phù hợp, đáp ứng với các kết quả thu nhận được của người học (thể hiện qua các CĐR) của chương trình.

Bảng II.3: Mối liên hệ giữa CĐR và các mục tiêu cụ thể của CTĐT năm 2022

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra																		
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
PO1	√	√	√	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
PO2	-	-	-	√	√	√	√	√	√	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
PO3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	√	√	√	√	-	-	-	-	-	-
PO4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	√	√	√	√	√	√

II.3. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC GIẢNG DẠY, HỌC TẬP

Hình II.1 mô tả cách tiếp cận trong giáo dục trên cơ sở CĐR. Chiến lược giảng dạy và học tập của ngành Quản trị kinh doanh Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh dựa trên các CĐR ở cấp độ chương trình, triển khai đến CĐR của mỗi học phần môn học và CĐR của từng chương, bài giảng của học phần. Khoa quản lý ngành căn cứ vào CĐR để xây dựng cấu trúc của CTĐT, các đề cương học phần môn học; xây dựng kế hoạch giảng dạy, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá.

Sau mỗi chu kỳ thực hiện hoạt động của các học phần (ứng với CĐR cấp học phần, môn học) hoặc của khóa đào tạo (ứng với CĐR cấp CTĐT), Khoa đã thực hiện việc xin ý kiến đóng góp, đề nghị của các sinh viên; các ý kiến đánh giá, đóng góp, đề xuất từ các cơ sở, doanh nghiệp (đã có tiếp nhận sinh viên thực tập hoặc tuyển dụng) để cải tiến nhằm thực hiện hiệu quả hơn ở chu kỳ giảng dạy (học phần hoặc khóa đào tạo) tiếp theo.

II.3.1. Phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Với phương châm “Lấy người học làm trung tâm, kết hợp lý thuyết và thực hành” Khoa đã thực hiện các hoạt động dạy và học đa dạng, phù hợp nhằm tăng cường khả năng tự học của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn, phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp nhằm đạt được chuẩn đầu ra, với phương châm học tâm suốt đời.

Bảng II.4. Các phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy, học tập của CTĐT Quản trị kinh doanh

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích
Phương pháp dạy	
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của các môn học một cách khoa học, logic. Vai trò giảng viên là chủ động trình bày kiến thức.
Xêmina (Thảo luận trên lớp, thảo luận nhóm, Thuyết trình)	Thông qua trao đổi, hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên, giữa các sinh viên làm rõ nội dung kiến thức trong môn học. Rèn luyện kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông, rèn luyện kiến thức và kỹ năng môn học của sinh viên. Vai trò giảng viên là hướng dẫn, định hướng vấn đề; các sinh viên tham gia xây dựng
Nghiên cứu tình huống	Tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, hiểu rõ và biết cách vận dụng các nội dung chương trình học vào giải quyết vấn đề tình huống cụ thể cho sinh viên. Giảng viên nêu vấn đề, các sinh viên chủ động phân tích và đề xuất giải pháp; giảng viên tổng hợp, đánh giá
Nghiên cứu khoa học	Giúp sinh viên phát huy tính năng động, sáng tạo, năng lực tự học, khả năng nghiên cứu khoa học độc lập và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết một số vấn đề của khoa học và thực tiễn. Giảng viên đóng vai trò cố vấn khoa học để giúp sinh viên trong cách tiếp cận và giải quyết vấn đề
Phương pháp học	
Học trên lớp	Giúp sinh viên tiếp thu kiến thức và trực tiếp trao đổi, thảo luận với giảng viên/nhóm. Chú trọng đến sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên.
Học ở nhà (tự học / đọc trước tài liệu ở nhà)	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự duy chủ động, tích cực. Sinh viên chủ động trong tìm hiểu, ôn tập vận dụng các kiến thức đã tiếp thu trên lớp và tìm hiểu thêm

	qua các tài liệu tham khảo, mạng InterNet
Hình thức học kết hợp	Giúp sinh viên tiếp cận và ứng dụng công nghệ trong học tập. Cung cấp cho sinh viên các hoạt động học tập đa dạng, tích hợp nhiều công cụ đánh giá sinh viên trên nền tảng công nghệ. Sinh viên chủ động tham khảo tìm hiểu thêm các kiến thức liên quan qua các tài liệu tham khảo, môi trường mạng InterNet. Sinh viên thông qua các hình thức thảo luận nhóm để tăng tính chủ động, tiếp cận vấn đề toàn diện.
Hình thức học cá nhân (tự học/ nghiên cứu trước tài liệu ở nhà, làm phiếu giao bài tập)	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự đọc, tự học, tự nghiên cứu, nâng cao năng lực học tập suốt đời
Hình thức học nhóm (Thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm)	Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, hợp tác. Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào vấn đề thực tế
Học lý thuyết trên lớp	Cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức cơ bản, hiểu được các khái niệm, từ đó, nắm được bản chất sự vật/hiện tượng để vận dụng trong giải quyết các vấn đề thực tế
Thực hành trong xưởng thực hành; thực tập ở các doanh nghiệp ngoài	Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học vào công việc cụ thể, tiếp cận môi trường làm việc thực tế tại các đơn vị. Qua đó, sinh viên có thể so sánh, đánh giá giữa lý thuyết và thực tiễn

Các phương pháp giảng dạy sử dụng trong quá trình dạy học của CTĐT cử nhân Quản trị kinh doanh được lựa chọn đã đáp ứng các yêu cầu của CĐR các học phần và CĐR của chương trình. Bảng II.5 trình bày mối liên hệ giữa các CĐR của CTĐT với các phương pháp giảng dạy.

Bảng II.5. Ma trận đáp ứng các phương pháp giảng dạy với các CĐR của CTĐT

Mã CĐR	Phương pháp giảng dạy									
	Thuyết giảng	Phân tích tình huống	Xemina	Giải quyết vấn đề	Thực nghiệm	Đóng vai	Đề án/Bài tập lớn	Mô phỏng	Tình huống điển hình	Bắt cặp chia sẻ
Các CĐR về kiến thức và lập luận ngành										
PLO1.1	x	x	x			x			x	

Mã CDR	Phương pháp giảng dạy									
	Thuyết giảng	Phân tích tình huống	Xemina	Giải quyết vấn đề	Thực nghiệm	Đóng vai	Đồ án/ Bài tập lớn	Mô phỏng	Tình huống điển hình	Bắt cặp chia sẻ
PLO1.2	x	x	x	x	x					
PLO1.3	x	x	x	x	x		x	x	x	
Các CDR về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp										
PLO2.1	x	x		x	x	x		x	x	
PLO2.2	x		x		x				x	x
PLO2.3	x		x		x	x				
PLO2.4	x	x	x			x			x	x
PLO2.5		x			x			x		
PLO2.6		x			x	x		x	x	x
Các CDR về kỹ năng giao tiếp: làm việc nhóm và giao tiếp										
PLO3.1	x		x	x		x			x	x
PLO3.2	x		x			x			x	x
PLO3.3	x	x	x	x		x			x	x
PLO3.4	x	x	x		x	x			x	x
Các CDR về hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện, và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường – quá trình sáng tạo										
PLO4.1	x	x		x	x	x	x	x	x	
PLO4.2			x	x	x		x		x	
PLO4.3			x	x	x	x	x			
PLO4.4	x	x	x	x	x	x	x		x	
PLO4.5	x	x		x	x		x	x		
PLO4.6	x	x		x	x	x	x	x	x	
Tổng cộng	15	13	13	12	14	13	7	7	14	7

Từ bảng II.5 có thể thấy, ngoài phương pháp thuyết giảng truyền thống, các phương pháp hỏi đáp, nêu và giải quyết vấn đề, thực hành, làm các đồ án, bài tập lớn có vai trò rất quan trọng, đóng góp một cách hiệu quả để người học đạt được các CDR.

II.3.2. Phương pháp kiểm tra, giám sát, đánh giá người học

Kiểm tra giám sát và đánh giá người học trong giáo dục có ba vai trò quan trọng: Là cơ sở cho nghiên cứu lí luận dạy học cùng với xây dựng mục tiêu, thiết kế nội dung, tổ chức hoạt động dạy-học; là công cụ hành nghề quan trọng của người dạy, giúp người dạy xác định được sự thay đổi của người học thông qua quá trình dạy học để đạt được mục tiêu giáo dục; là một bộ phận quan trọng của quản lí giáo dục, quản lí chất lượng dạy và học.

Việc kiểm tra giám sát người học là sự phối hợp của nhiều bộ phận: Phòng quản lý sinh viên, Phòng thanh tra, Khoa và vai trò quan trọng, trực tiếp là giảng viên dạy môn học. Quy chế kiểm tra giám sát đánh giá kết quả học tập được Nhà trường ban hành tại văn bản Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ số 318/QĐ-ĐHSPKTV.

Đánh giá kết quả người học được thực hiện ở các cấp độ: Học phần môn học (điểm học phần), điểm trung bình trong học kỳ và cấp độ chương trình (tốt nghiệp khóa học). Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá được quy định trong đề cương chi tiết của học phần và công bố công khai cho sinh viên trong buổi học đầu tiên của học phần. Điểm thành phần và điểm thi được đánh giá theo thang điểm 10.

1. Đánh giá điểm học phần bao gồm các điểm thành phần: Điểm kiểm tra thường xuyên (điểm chuyên cần), điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần.

a) Với các học phần lý thuyết: Là tổng của điểm thành phần và điểm thi nhân với trọng số tương ứng và được làm tròn tới một chữ số thập phân.

Sinh viên tham gia học trên lớp tối thiểu 80% thời lượng học phần, nếu không đảm bảo thì không được dự thi kết thúc học phần đó.

Điểm thành phần là điểm đánh giá quá trình học tập có tổng trọng số là 40% và do giảng viên giảng dạy thực hiện và công khai cho sinh viên vào buổi học cuối cùng của học phần (*Trong đó: Điểm chuyên cần có trọng số 10% và điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đồ án, bài tập lớn, tiểu luận...trọng số 30%*).

Điểm thi kết thúc học phần bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số 60%.

b) Điểm học phần thực hành, thí nghiệm: Là điểm trung bình cộng của các điểm thành phần được làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Yêu cầu sinh viên phải tham gia đầy đủ tất cả các buổi học thực hành, thí nghiệm.

- Điểm thành phần là điểm kết quả đánh giá các bài tập thực hành, thí nghiệm.

c) Điểm học phần Thực tập tốt nghiệp: Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp: Là tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng và được làm tròn tới một chữ số thập phân.

- Yêu cầu sinh viên phải tham gia đầy đủ tất cả các buổi thực tập theo kế hoạch.

- Điểm thành phần bao gồm điểm kết quả đánh giá nhận xét của doanh nghiệp có trọng số là 40% và Giảng viên hướng dẫn thực tập có trọng số là 60%.

d) Điểm học phần đồ án: Khóa luận tốt nghiệp, tiểu luận tốt nghiệp: Là tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng và được làm tròn tới một chữ số thập phân.

- Điểm thành phần bao gồm điểm của Giảng viên hướng dẫn có trọng số là 40% và điểm của các thành viên chấm hoặc hội đồng bảo vệ (*Học phần đồ án; Khóa luận tốt nghiệp; Tiểu luận tốt nghiệp*) có trọng số là 60%.

đ) Hình thức tổ chức thi, thời gian thi

Được quy định cụ thể tại “*Quy định tổ chức thi, kiểm tra kết thúc học phần*” của Trường.

e) Đánh giá trực tuyến

Đối với học phần dạy trực tuyến được áp dụng đánh giá trực tuyến khi đủ điều kiện theo quy định, đảm bảo tính trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp.

Tổ chức bảo vệ, đánh giá học phần đồ án, khóa luận và tiểu luận tốt nghiệp được thực hiện trực tuyến khi đáp ứng thêm các điều kiện: *Thông qua hội đồng chuyên môn ít nhất 03 thành viên; Được hội đồng đánh giá và người học đồng ý; Diễn biến của buổi bảo vệ được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ theo quy định.*

2. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi kết thúc học phần không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

3. Học lại, thi và học cải thiện điểm

a) Học lại: Sinh viên có điểm học phần không đạt phải đăng ký học lại; Mỗi lần học lại chỉ được dự thi một lần: điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần:

b) Học cải thiện: Sinh viên đã có điểm học phần đạt D, D+ được phép đăng ký học lại để cải thiện điểm và điểm chính thức của học phần là điểm đánh giá cao nhất trong những lần học:

c) Thi lại: Sinh viên thi lần thứ nhất đối với học phần lần thứ nhất của học phần mà không đạt thì được dự thi lần thứ hai, nếu vẫn không đạt thì Sinh viên phải học lại cho đến khi đạt yêu cầu. Điểm học phần sau khi thi lại, đánh giá lại chỉ được giới hạn ở mức điểm D đến điểm C+.

4. Quy định tổ chức thi, kiểm tra, chấm thi

a) Tổ chức thi, kiểm tra, chấm thi được thực hiện theo “*Quy định tổ chức thi, kiểm tra kết thúc học phần của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh*”.

b) Những nội dung không thuộc mục (a) được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 0,5 ngày cho một tín chỉ.

+ Lưu bảng điểm: Bảng điểm học phần thực hiện theo mẫu thống nhất của Trường

c) Đánh giá kết quả của học phần Giáo dục thể chất được Hiệu trưởng quy định cụ thể trong văn bản riêng.

d) Đánh giá kết quả của học phần Giáo dục Quốc phòng – An ninh thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo.

(Trong đó bản gốc được lưu tại đơn vị nhập điểm, một bản gửi về khoa quản lý sinh viên và một bản gửi về Phòng Đào tạo, chậm nhất 10 ngày sau khi kết thúc kỳ thi học phần).

Điểm học phần được đánh giá theo thang điểm 10 và chuyển đổi sang thang điểm chữ để xếp loại học tập. Bảng II.6 trình bày cách tính chuyển đổi từ thang điểm 10 sang thang điểm 4 và thang điểm chữ để xếp loại học tập và tính điểm trung bình trong kỳ học. Theo Bảng II.6, đánh giá kết quả học tập của người học chia ra 2 loại: đạt (ứng với thang điểm chữ A đến D) và loại không đạt (điểm F của thang điểm chữ).

Bảng II.6. Chuyển đổi thang điểm 10 sang thang điểm chữ và thang điểm 4

Thang điểm chữ	Thang điểm 10	Thang điểm 4
Xếp loại đạt		
A	Từ 8,5 đến 10	4
B+	Từ 8,0 đến 8,4	3,5
B	Từ 7,0 đến 7,9	3,0
C+	Từ 6,5 đến 6,9	2,5
C	Từ 5,5 đến 6,4	2,0
D+	Từ 5,0 đến 5,4	1,5
D	Từ 4,0 đến 4,9	1,0
Xếp loại không đạt		
F+	Từ 2,0 đến 3,9	0,5
F	Từ 0,0 đến 1,9	0,0

Đánh giá điểm TBC học kỳ, TBC tích lũy

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ, từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm được đánh giá theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học;

b) Tổng số tín chỉ những học phần mà sinh viên đã đạt trong một học kỳ, trong một năm học;

c) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ, một năm học hoặc tính từ đầu khóa học (*gọi là điểm trung bình chung tích lũy*), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

Điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

A là điểm TBC học kỳ hoặc điểm TBC tích lũy
 a_i là điểm của học phần thứ i
 n_i là số tín chỉ của học phần thứ i
 n là tổng số học phần

2. Điểm trung bình, điểm chữ, điểm số của học phần.

Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá các điểm thành phần, điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần.

Thang điểm chữ sử dụng để phân loại kết quả học tập dựa theo điểm học phần của sinh viên.

Thang điểm 4 sử dụng để đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ, giai đoạn và xếp loại kết quả học tập toàn khóa của sinh viên.

II.3.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

Theo sơ đồ tiếp cận giáo dục dựa trên CDR (hình 1) công việc rà soát, bổ sung cải tiến là điều kiện để không ngừng hoàn thiện, nâng cao hiệu quả CTĐT:

- CTĐT ngành Quản trị kinh doanh được rà soát định kỳ 2 năm /1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên liên quan;

- Kết hợp các hình thức hỗ trợ sinh viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng của một người kỹ sư trong tương lai;

- Tuần đầu mỗi học kỳ, Khoa xây dựng kế hoạch dự giờ của các giảng viên tham gia dạy các môn học trong kỳ; Sau buổi dự giờ đều có họp góp ý rút kinh nghiệm cho giảng viên được dự giờ (thành phần là giảng viên được dự giờ, các giảng viên của Khoa tham gia dự giờ).

- Sau mỗi kỳ học Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng của Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các sinh viên các lớp về chất lượng, nội dung bài giảng, cách ứng xử và tác phong của giảng viên. Kết quả khảo sát đều được công khai cho từng giảng viên.

- Tuần đầu hàng tháng, Khoa tổ chức họp với các cán bộ lớp, đoàn thanh niên của từng lớp sinh viên (của ngành đào tạo Công nghệ thông tin). Nội dung buổi họp là trao đổi, tiếp nhận các yêu cầu, đề nghị của sinh viên về các hoạt động dạy và học trong tháng; Khoa thông báo, triển khai các công việc liên quan đến học tập, giảng dạy và các hoạt động của tháng tới. Nhờ hoạt động định kỳ này, Khoa luôn nắm sát được tình hình sinh viên thực

học, tình hình sinh viên nghỉ học, khắc phục các vấn đề nảy sinh làm ảnh hưởng không tốt đến hoạt động dạy và học trong tháng.

- Hàng năm Khoa đều tổ chức gặp gỡ các cựu sinh viên (thường vào dịp 20/11 ngày Nhà Giáo Việt Nam). Trong buổi gặp các cựu sinh viên đã có nhiều góp ý, đề xuất, chia sẻ về nội dung kiến thức cũng như các kỹ năng cần thiết cho sinh viên tốt nghiệp tìm kiếm cơ hội việc làm.

- Xây dựng kế hoạch mua sắm tài liệu học tập, trang thiết bị, mô hình học tập (theo học kỳ, theo năm học theo hướng dẫn của Nhà trường) kết hợp với bổ sung, hoàn thiện các nội dung thực hành trong học tập cho sinh viên phù hợp với cơ sở vật chất được trang bị, đầu tư mới.

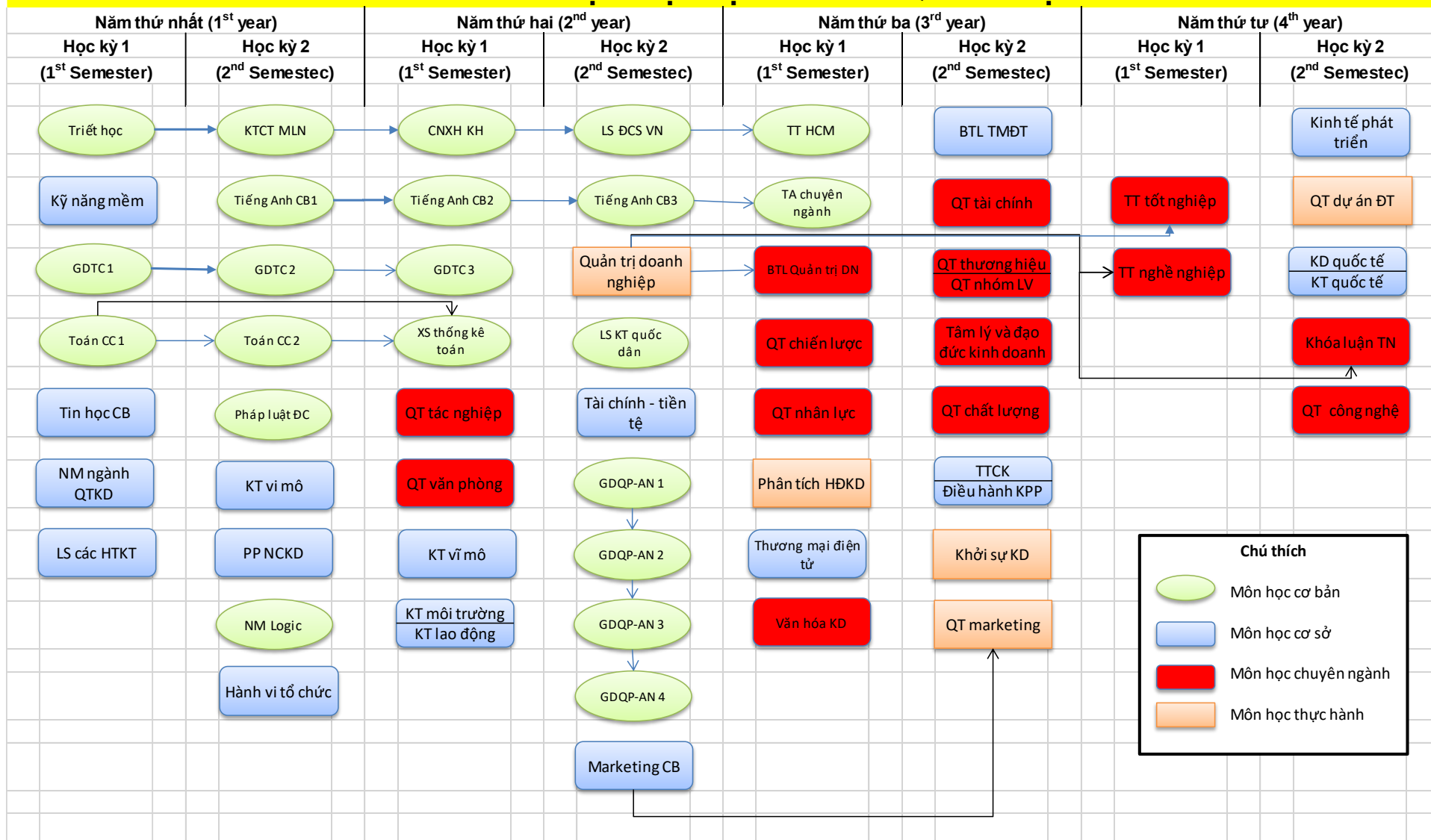
II.4. PHÂN BỐ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC CỦA CTĐT

II.4.1. Tổng số TC cần tích lũy của CTĐT

Tổng số TC mà người học cần tích lũy theo chương trình đào tạo ngành Cử nhân Quản trị kinh doanh là 135 TC (chưa tính 11 TC kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) được phân bố theo các khối kiến thức như sau:

- a) Khối lượng kiến thức giáo dục đại cương: 46 TC bắt buộc
- b) Khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 100 TC, trong đó:
 - + Khối lượng kiến thức cơ sở ngành: 36 TC bắt buộc và 2 TC tự chọn.
 - + Khối lượng kiến thức chuyên ngành 64 TC (62 TC bắt buộc và 4 TC tự chọn)
 - + Khối lượng học phần lý thuyết 27 TC (25 TC bắt buộc và 2 TC tự chọn).
 - + Khối lượng học phần Mô đun/thực hành: 14 TC.
 - + Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp: 7 TC.
 - + Thực tập tốt nghiệp: 7 TC.
 - + Đồ án tốt nghiệp 9 TC, người học được xét chọn một trong hai hình thức: Làm đồ án tốt nghiệp hoặc tiểu luận tốt nghiệp.
- e) Các học phần GDTC và GDQP là các kiến thức điều kiện theo chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với sinh viên bậc đại học khi được công nhận tốt nghiệp. (Số TC quy định cho các học phần này là 11 TC).

SƠ ĐỒ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH



II.4.2. Danh mục các HP/MĐ và khối lượng kiến thức

DANH MỤC CÁC MÔN HỌC

Thứ tự	Mã HP/MĐ	Tên học phần/Mô đun	Khối lượng kiến thức				Điều kiện tiên quyết
			Số TC	Tổng số giờ	Giờ lý thuyết	Giờ thực hành (TH,TN,BT,TL)	
1	3	2	4	5	6	7	11
I	Giáo dục đại cương		51	855	586	269	
A	Lý luận chính trị		11	165	113	52	
1	3ML007DC	Triết học Mác - Lênin	3	45	31	14	
2	3ML008DC	Kinh tế chính trị Mác – lênin	2	30	20	10	3ML007DC
3	3ML005DC	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	20	10	3ML007DC
4	3ML006DC	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	21	9	3ML005DC
5	2ML002DC	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	21	9	3ML005DC
B	Khoa học tự nhiên		14	210	161	49	
6	3DC004DC	Toán cao cấp 1	2	30	22	8	
7	3DC005DC	Toán cao cấp 2	2	30	22	8	3DC004DC
8	4DC016DC	Vật lý đại cương 1	2	30	24	6	
9	2DC011DC	Hóa học đại cương (+ thí nghiệm)	2	30	22	8	
10	2DC007DC	Xác suất thống kê	2	30	21	9	3DC004DC
11	3TN002DH	Toán rời rạc	2	30	30	0	
12	4TN003CD	Java cơ bản	2	30	20	10	
C	Khoa học XH & NV:		4	60	52	8	
13	2ML004DC	Pháp luật đại cương	2	30	22	8	
14	4TN004DH	Quản trị dự án	2	30	30	0	
D	Ngoại ngữ:		11	165	165	0	
15	4NN001DC	Tiếng Anh cơ bản 1	3	45	45	0	
16	4NN002DC	Tiếng Anh cơ bản 2	3	45	45	0	4NN001DC
17	4NN009DC	Tiếng Anh cơ bản 3	3	45	45	0	4NN002DC
18	3NN003DC	Tiếng anh chuyên ngành tin học	2	30	30	0	4NN009DC

Thứ tự	Mã HP/MĐ	Tên học phần/Mô đun	Khối lượng kiến thức				Điều kiện tiên quyết
			Số TC	Tổng số giờ	Giờ lý thuyết	Giờ thực hành (TH,TN,BT,TL)	
E	Giáo dục Quốc phòng - An ninh:		8	165	77	88	
19	2TQ001DC	Giáo dục QP-AN 1 (Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam)	3	45	37	8	
20	2TQ002DC	Giáo dục QP-AN 2 (Công tác quốc phòng, an ninh)	2	30	22	8	2TQ001DC
21	3TQ203DC	Giáo dục QP-AN 3 (Quân sự chung)	1	30	14	16	2TQ002DC
22	3TQ204DC	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	2	60	4	56	3TQ203DC
F	Giáo dục thể chất: Chọn một trong các hướng chuyên sâu (xuyên suốt)		3	90	18	72	
23	4TQ009DC	Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)	1	30	6	24	
		SV chọn 1 trong các cặp học phần theo hướng sau					
		Hướng điền kinh					
24.1	4TQ010DC	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 2)	1	30	6	24	4TQ009DC
25.1	4TQ011DC	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 3)	1	30	6	24	4TQ010DC
		Hướng bóng chuyền					
24.2	4TQ012DC	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	1	30	6	24	4TQ009DC
25.2	4TQ013DC	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	1	30	6	24	4TQ010DC
		Hướng bóng đá					
24.3	4TQ014DC	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	1	30	6	24	4TQ009DC
25.3	4TQ015DC	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)	1	30	6	24	4TQ010DC
		Hướng bóng rổ					
24.4	4TQ016DC	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	1	30	6	24	4TQ009DC
25.4	4TQ017DC	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)	1	30	6	24	4TQ010DC
II	Giáo dục chuyên nghiệp						
A	Cơ sở ngành		36	540			
	Cơ sở ngành (bắt buộc)		30				
26	4TN305DH	Tin học cơ bản	3	45	30	15	
27	4SP103DC	Kỹ năng mềm	3	45	39	6	

Thứ tự	Mã HP/MĐ	Tên học phần/Mô đun	Khối lượng kiến thức				Điều kiện tiên quyết
			Số TC	Tổng số giờ	Giờ lý thuyết	Giờ thực hành (TH,TN,BT,TL)	
28	4KT101DH	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	3	45	20	25	
29	3KT102CD	Kinh tế vi mô	2	30	22	8	
30	3KT101DH	Kinh tế vĩ mô	2	30	22	8	
31	3KT108CD	Phương pháp nghiên cứu kinh doanh	2	30	21	9	
32	3KT116CD	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30	20	10	
33	3KT126DH	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	32	13	
34	3KT109CD	Kinh tế phát triển	2	30	21	9	
35	4KT111DC	Marketing căn bản	3	45	30	15	
36	3KT146DH	Hành vi tổ chức	2	30	20	10	
37	3KT105CD	Thương mại điện tử	2	30	20	10	
38	4KT319DH	Bài tập lớn Thương mại điện tử	1	15	0	15	
	Cơ sở ngành (tự chọn)		6	30	30	0	
39	<i>Chọn 01 trong 02 HP sau:</i>		2				
39.1	3KT110CD	Kinh doanh quốc tế	2*	30	21	9	
39.2	3KT102DH	Kinh tế quốc tế	2*	30	20	10	
40	<i>Chọn 01 trong 02 HP sau:</i>		2				
40.1	3KT158DH	Kinh tế lao động	2*	30	20	10	
40.2	3KT147DH	Kinh tế môi trường	2*	30	20	10	
41	<i>Chọn 01 trong 02 HP sau:</i>		2				
41.1	3KT103DH	Thị trường chứng khoán	2*	30	20	10	
41.2	4KT103DH	Điều hành kênh phân phối	2*	30	20	10	
B	Chuyên ngành		64				
B1	HP lý thuyết		27	405			
	Chuyên ngành (bắt buộc)		25	375			
42	3KT158DC	Quản trị chiến lược	3	45	27	18	

43	4KT104DH	Quản trị công nghệ	2	30	20	10	
44	4KT105DH	Quản trị chất lượng	2	30	20	10	
45	4KT143DC	Quản trị nhân lực	3	45	30	15	
46	3KT111CD	Văn hóa kinh doanh	2	30	21	9	
47	3KT137DH	Quản trị tác nghiệp	3	45	27	18	
48	4KT111DH	Quản trị tài chính	3	45	30	15	
49	3KT139DH	Quản trị văn phòng	3	45	27	18	
50	3KT142DH	Tâm lý và đạo đức kinh doanh	3	45	30	15	
51	4KT318DH	Bài tập lớn Quản trị doanh nghiệp	1	15	0	15	
52	Chuyên ngành (tự chọn)		2				
	<i>Chọn 01 trong 02 HP sau:</i>		2				
52.1	3KT143CD	Quản trị thương hiệu	2*	30	22	8	
52.2	3KT159DH	Quản trị nhóm làm việc	2*	30	22	8	
B2	HP Mô đun/thực hành		14				
53	4KT301DH	Quản trị doanh nghiệp	3	45	27	18	
54	4KT302DH	Khởi sự kinh doanh	3	45	30	15	
55	4KT303DH	Quản trị Marketing	2	30	20	10	
56	4KT304DH	Quản trị dự án đầu tư	3	45	27	18	
57	4KT305DH	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45	27	18	
B3	Tốt nghiệp		23	1035	135	900	
58	4KT201DH	Thực tập nghề nghiệp	7	315	45	270	
59	4KT202DH	Thực tập tốt nghiệp	7	315	45	270	
60	4KT333DH	Khóa luận tốt nghiệp	9	405	45	360	
	Học phần thay thế		9	135	90	45	
61	4KT131DH	Chuyên đề tốt nghiệp 1	3	45	30	15	
62	4KT132DH	Chuyên đề tốt nghiệp 2	3	45	30	15	
63	4KT133DH	Chuyên đề tốt nghiệp 3	3	45	30	15	

Thứ tự	Mã HP/MĐ	Tên học phần/Mô đun	Khối lượng kiến thức				Điều kiện tiên quyết
			Số TC	Tổng số giờ	Giờ lý thuyết	Giờ thực hành (TH,TN,BT,TL)	
III	Môn học thay thế (cho SV nước ngoài)		13	195	147	48	
64	4SP001DC	Tiếng Việt nâng cao 1 (thay thế Tiếng Anh cơ bản 1)	3	45	35	10	
65	4SP002DC	Tiếng Việt nâng cao 2 (thay thế Tiếng Anh cơ bản 2)	3	45	35	10	
66	4SP004DC	Tiếng Việt nâng cao 3 (thay thế Tiếng Anh cơ bản 3)	3	45	35	10	
67	3ML002DC	Văn hóa Việt Nam (thay thế Tiếng Anh chuyên ngành)	2	30	21	9	
68	3ML003DC	Lịch sử Việt Nam (thay thế giáo dục QP – AN)	2	30	21	9	

		Điều kiện Tốt nghiệp					
1	211144001	Giáo dục quốc phòng – an ninh	4	75		10	
2	211062001	Giáo dục thể chất 1	2	30			
3	211062002	Giáo dục thể chất 2	1	30			

PHẦN III. MÔ TẢ NỘI DUNG TÓM TẮT HỌC PHẦN

(1) 3ML007DC (Triết học Mác – Lênin):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không.

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những nội dung tri thức cơ bản, hệ thống và cốt lõi nhất về Triết học Mác - Lênin, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ đó, sinh viên có thái độ đúng đắn đối với giá trị, bản chất khoa học và cách mạng của triết học Mác - Lênin; Vận dụng các kiến thức của triết học Mác - Lênin vào trong hoạt động thực tiễn.

- *Nội dung:* Giới thiệu chung về triết học và sự ra đời triết học Mác - Lênin; Các nội dung cơ bản của triết học Mác - Lênin, bao gồm 2 phần Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; Xây dựng được thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật, làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các môn khoa học khác và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

(2) 3ML008DC (Kinh tế chính trị Mác - Lênin):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 3ML007DC (Triết học Mác - Lênin).

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những nội dung tri thức cơ bản, hệ thống và cốt lõi nhất về Kinh tế chính trị Mác - Lênin nhằm phát hiện ra các quy luật kinh tế chi phối các quan hệ giữa người với người trong sản xuất và trao đổi. Từ đó, vận dụng các phạm trù, nguyên lý và quy luật kinh tế chính trị giải thích các hiện tượng, quá trình kinh tế chính trị phù hợp với bối cảnh xã hội.

- *Nội dung:* Khái lược về khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế, phương pháp luận tư duy kinh tế; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

(3) 3ML005DC (Chủ nghĩa xã hội khoa học):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 3ML008DC (Kinh tế chính trị Mác - Lênin).

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quá trình hình thành chủ nghĩa xã hội, những vấn đề về chính trị - xã hội thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Từ đó vận dụng vào việc đánh giá, nhận định những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Hình thành thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, niềm tin về con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã lựa chọn.

- *Nội dung:* Xác lập cơ sở lý luận về Chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, làm rõ quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ

nghĩa xã hội khoa học; Những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, lý giải thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng được niềm tin, lý tưởng cách mạng.

(4) 3ML006DC (Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 3ML005DC (Chủ nghĩa xã hội khoa học).

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức về sự ra đời của Đảng Cộng sản

Việt Nam và sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-nay). Vận dụng kiến thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan điểm sai trái về lịch sử của Đảng. Tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin đối với Đảng và công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

- *Nội dung:* Đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng, quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-nay). Qua đó, khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

(5) 2ML002DC (Tư tưởng Hồ Chí Minh):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 3ML006DC (Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam).

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về tư tưởng, đạo đức và giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam nhằm nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với đời sống cách mạng Việt Nam.

- *Nội dung:* Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

(6) 3DC004DC (Toán cao cấp 1):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không.

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giải tích toán và đại số tuyến tính, từ đó sinh viên có thể giải được các dạng toán cơ bản có trong học phần đồng thời tích lũy kiến thức phục vụ cho các học phần chuyên ngành thuộc lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật.

- *Nội dung:* Các kiến thức cơ bản về tích phân hàm một biến, lý thuyết chuỗi, phép tính vi phân hàm nhiều biến và đại số tuyến tính.

(7) 3DC005DC (Toán cao cấp 2):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 3DC004DC (Toán cao cấp 1)

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tích phân hàm nhiều biến, tích phân đường, các phương pháp giải một số dạng phương trình vi phân nhằm cung cấp các kiến thức nền tảng toán học cơ bản để sinh viên học tập, nghiên cứu các học phần chuyên ngành thuộc lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật.

- *Nội dung:* Tích phân bội hai, tích phân bội ba; tích phân đường; định nghĩa, công thức nghiệm của phương trình biến số phân li, vi phân toàn phần, tuyến tính cấp 1, tuyến tính cấp 2 có hệ số hằng.

(8) 4DC101DH (Xác suất thống kê toán):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 3DC004DC (Toán cao cấp 1).

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên các kiến thức về lý thuyết xác suất và thống kê toán học, giúp sinh viên có thể giải được các bài toán có trong học phần, đồng thời với những kiến thức được trang bị, sinh viên có thể tiếp thu được kiến thức các học phần chuyên ngành như: Kinh tế lượng, lý thuyết thống kê, Marketing, ...

- *Nội dung:* Biến cố ngẫu nhiên, xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, hồi quy và tương quan tuyến tính.

(9) 2ML004DC (Pháp luật đại cương):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không.

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản các kiến thức về những vấn đề của nhà nước và pháp luật nói chung, các ngành luật cụ thể của hệ thống pháp luật Việt Nam nói riêng. Xây dựng ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật của mỗi cá nhân. Trên cơ sở đó trang bị cho mỗi cá nhân hình thành ý thức và thói quen xử sự phù hợp quy định của pháp luật. Bồi dưỡng, nâng cao ý thức pháp luật cá nhân từ đó tôn trọng, tuân thủ pháp luật

- *Nội dung:* Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật; về quy phạm pháp luật và hình thức chứa đựng là văn bản quy phạm pháp luật, về quan hệ pháp luật và vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý; Một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt

Nam như: Luật hiến pháp, Luật lao động, Luật dân sự, Luật hình sự, Luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hình sự, Luật hành chính, Luật hôn nhân và gia đình, Luật kinh tế, Luật đất đai và luật phòng chống tham nhũng.

(10) Chọn 01 trong 03 học phần:

2TC

(10.1) 2ML005DC (Kinh tế học đại cương)

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên các kiến thức chung về kinh tế học. Vận dụng các kiến thức kinh tế học đã học giải thích các hiện tượng quá trình kinh tế trong thực tiễn. Hình thành tư duy kinh tế cho người học. Ra quyết định dựa trên lý thuyết lựa chọn trong kinh tế học.

- *Nội dung:* Nghiên cứu kinh tế học nhằm mục đích giải thích cách thức các nền kinh tế vận động và cách tác nhân kinh tế tương tác với nhau. Các nguyên tắc kinh tế được ứng dụng trong đời sống xã hội, trong thương mại, tài chính và hành chính công. Nội dung cần đạt được của học phần là Kinh tế học vi mô nghiên cứu hành vi của từng chủ thể trong nền kinh tế thị trường, Phần Kinh tế học vĩ mô nghiên cứu những vấn đề chung nhất của nền kinh tế.

(10.2) 1SP521DC (Nhập môn Logic học)

- *Điều kiện tiên quyết:* Không.

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Logic học hình thức. Từ đó vận dụng hiệu quả vào hoạt động nhận thức trong học tập và cuộc sống.

- *Nội dung:* Khái quát về Logic học; Các hình thức Logic cơ bản; Các quy luật cơ bản của Logic hình thức; Giả thuyết, chứng minh và bác bỏ.

(10.3) 4SP041DC (Phương pháp luận NCKH)

- *Điều kiện tiên quyết:* Không.

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó hình thành kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên.

- *Nội dung:* Khái quát về khoa học và nghiên cứu khoa học; Xác định đề tài và xây dựng thuyết minh đề tài khoa học; Triển khai nghiên cứu đề tài khoa học; Viết báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học; Bảo vệ và công bố kết quả nghiên cứu khoa học.

(11) 3KT112CD (Lịch sử kinh tế quốc dân):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên nắm được những kiến thức về các giai đoạn trong quá trình phát triển kinh tế của các nhóm nước như các nước TBCN, các nước

XHCN, các nước đang phát triển.

- *Nội dung:* Tổng quan về lịch sử kinh tế quốc dân; Kinh tế các nước TBCN; Kinh tế Mỹ; Kinh tế Nhật Bản; Kinh tế Trung Quốc và kinh tế Việt Nam.

(12) 4NN001DC (Tiếng Anh cơ bản 1):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh tương đương bậc 2 Khung Năng lực Ngoại ngữ Việt Nam, hình thành các kỹ năng giao tiếp về các hoạt động trong cuộc sống hằng ngày một cách độc lập, tự chủ trong môi trường ngôn ngữ Tiếng Anh.

- *Nội dung:* Cuộc sống thành phố, cuộc sống hoang dã, thế giới kỹ thuật số, thể thao giải trí và gia đình;... Các kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh cơ bản (từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp) như: cách sử dụng đúng các thì ngữ pháp: thì quá khứ đơn, thì tương lai đơn, thì hiện tại hoàn thành, cấu trúc be going to; cấu trúc so sánh hơn, so sánh nhất... Đồng thời học phần rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trong các ngữ cảnh, tình huống cuộc sống hàng ngày như: cách hỏi và chỉ đường, miêu tả, so sánh tranh; cách đàm phán, thương lượng, cách viết thư thân mật, bưu thiếp,...

(13) 4NN002DC (Tiếng Anh cơ bản 2):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 4NN001DC (Tiếng Anh cơ bản 1).

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên có thêm những kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh như từ vựng, ngữ pháp, mẫu câu qua các bài học cụ thể. Trên cơ sở đó hình thành các kỹ năng giao tiếp về các hoạt động trong cuộc sống hằng ngày.

- *Nội dung:* Feelings, adventure, On screen, Our planet. Các chủ điểm về Từ vựng, Ngữ pháp: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn; các mẫu câu: There is/ are, so sánh hơn, so sánh hơn nhất, so sánh bằng; các từ chỉ số lượng như some, any, a few, a little, a lot of, (not) much / many, How much / many. must, mustn't and needn't/ don't have to. Đồng thời rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trong các ngữ cảnh, tình huống sự kiện, thư mời, thư xin việc, các bài báo.

(14) 4NN009DC (Tiếng Anh cơ bản 3):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 4NN002DC (Tiếng Anh cơ bản 2).

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh tương đương bậc 3 Khung Năng lực Ngoại ngữ Việt Nam, hình thành các kỹ năng giao tiếp về các hoạt động trong cuộc sống hằng ngày một cách độc lập, tự chủ trong môi trường ngôn ngữ tiếng Anh.

- *Nội dung:* AMBITIONS, TOURISM, MONEY CRIME, SCIENCE. Các kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh (từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp) nhất định về các hoạt động trong cuộc sống hằng ngày như: các từ loại trạng từ, tính từ, các thì ngữ pháp, câu

điều kiện, lời nói gián tiếp, thể bị động; ... Đồng thời rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trong các ngữ cảnh, tình huống sự kiện: kỳ nghỉ, nghề nghiệp, phát minh theo chủ đề bài học.

(15) 3NN004DC (Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 4NN003DC (Tiếng Anh cơ bản 3).

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh về lĩnh vực kinh tế, hình thành các kỹ năng giao tiếp về các hoạt động trong cuộc sống hằng ngày một cách độc lập, tự chủ trong môi trường ngôn ngữ tiếng Anh.

- *Nội dung:* Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tế thị trường, tiền tệ, nghiên cứu thị trường, tài chính, thuế, đầu giá, kinh doanh. Các kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh cơ bản (từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp) về tiếng Anh; sử dụng đúng các từ loại trạng từ, tính từ, các thì ngữ pháp, câu điều kiện, lời nói gián tiếp, thể bị động; nắm vững các từ ngữ về kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tế thị trường, tiền tệ, nghiên cứu thị trường, tài chính, thuế, đầu giá, kinh doanh, ... đồng thời rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết.

(16) 3TQ001DC (Giáo dục QP-AN 1) (Đường lối QP và AN của ĐCSVN):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không.

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ý thức, trách nhiệm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

- *Nội dung:* Đối tượng, phương pháp nghiên cứu học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh; Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố Quốc phòng An ninh và đối ngoại; Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; Xây dựng bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

(17) 3TQ002DC (Giáo dục QP-AN 2) (Công tác quốc phòng, an ninh):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* (3TQ001DC) Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam và những hành vi vi phạm pháp luật. Đấu tranh, phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, phòng chống hành vi vi phạm pháp luật.

- *Nội dung:* Phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

(18) 3TQ203DC (Giáo dục QP-AN 3) (Quân sự chung):
1TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 3TQ002DC (Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2)

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về quân sự phổ thông, thực hiện được những kỹ năng quân sự cần thiết, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- *Nội dung:* Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội; Điều lệnh đội ngũ từng người có súng; Điều lệnh đội ngũ đơn vị; Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự; Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; Ba môn quan sự phối hợp.

(19) 3TQ204DC (Giáo dục QP-AN4) (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật):
2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 3TQ203DC (Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3)

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức về kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật. Vận dụng vào quá trình huấn luyện, rèn luyện và chiến đấu.

- *Nội dung:* Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1, Từng người trong chiến đấu tiến công, Từng người trong chiến đấu phòng ngự, Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

(20) 4TQ009DC (Điền kinh 1):

1TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về tác dụng lợi ích của môn chạy giúp sinh viên trong quá trình sống, học tập và làm việc.

- *Nội dung:* Lịch sử ra đời và phát triển các môn chạy; Vị trí, ý nghĩa, tác dụng

tập luyện các môn chạy, nguyên lý kỹ thuật chạy; Kỹ thuật chạy giữa quãng của các cự ly 100m, 1.500m; Kỹ thuật xuất phát thấp, xuất phát cao; Kỹ thuật chạy về đích; Kỹ thuật đánh đích; Hoàn thiện kỹ thuật chạy cự ly ngắn 100m, chạy cự ly trung bình 1.500m.

(21-22) Chọn 2 trong 4 cặp học phần Giáo dục thể chất sau:

(21.1) 4TQ010DC (Điền kinh 2): 1TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 4TQ009DC (Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)).

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về tác dụng lợi ích của môn Nhảy xa giúp sinh viên trong quá trình sống, học tập và làm việc.

- *Nội dung:* Lịch sử ra đời và phát triển môn nhảy xa; Vị trí, lợi ích, tác dụng tập luyện môn nhảy xa, nguyên lý kỹ thuật môn nhảy xa; Kỹ thuật chạy lấy đà và chuẩn bị dậm nhảy; Kỹ thuật dậm nhảy; Kỹ thuật bay trên không; Kỹ thuật tiếp đất; Hoàn thiện kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi.

(22.1) 4TQ011DC (Điền kinh 3): 1TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 4TQ010DC (Giáo dục thể chất 1(Điền kinh 2)).

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về tác dụng lợi ích của môn Nhảy cao giúp sinh viên trong quá trình sống, học tập và làm việc.

- *Nội dung:* Lịch sử ra đời và phát triển môn nhảy cao; Vị trí, lợi ích, tác dụng tập luyện môn nhảy cao, nguyên lý kỹ thuật môn nhảy cao; Kỹ thuật chạy đà; Kỹ thuật dậm nhảy; Kỹ thuật bay trên không; Kỹ thuật tiếp đất; Hoàn thiện kỹ thuật nhảy cao kiểu bước qua.

(21.2) 4TQ012DC (Bóng chuyền 1): 1TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 4TQ009DC (Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)).

- *Mục tiêu:* Trang bị cho SV các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền giúp sinh viên trong quá trình sống, học tập và làm việc.

- *Nội dung:* Lịch sử ra đời và phát triển môn Bóng chuyền; Vị trí, tác dụng tập luyện môn Bóng chuyền, kích thước sân bãi, bóng, các phụ kiện kèm theo; Kỹ thuật di chuyển: Tiến, lùi, qua phải qua trái, chạy, lăn, ngã đỡ bóng; Kỹ thuật di chuyển 9-3-6-3-9; Kỹ thuật Phát bóng Thấp tay; Kỹ thuật Chuyền bóng Thấp tay; Trò chơi vận động với bóng.

(22.2) 4TQ013DC (Bóng chuyền 2): 1TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 4TQ012DC (Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)).

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên các kiến thức về đội hình chiến thuật cơ bản, thực hiện thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền.

- *Nội dung:* Luật bóng Chuyền; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài; Kỹ

thuật chuyển bóng Cao tay; Kỹ thuật bật xa tại chỗ; Kỹ thuật Chấn bóng; Kỹ thuật đập bóng; Các bài tập phối hợp di chuyển chuyển bóng; Bài tập chống đẩy; Kỹ chiến thuật thi đấu.

(21.3) 4TQ014DC (Bóng đá 1):

1TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 4TQ009DC (Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)).

- *Mục tiêu:* Trang bị cho học sinh nắm được những kiến thức cơ bản về môn bóng đá giúp sinh viên trong quá trình sống, học tập và làm việc.

- *Nội dung:* Khái quát về nguồn gốc, sự hình thành và phát triển của bóng đá thế giới và Việt Nam; Giới thiệu các điều luật cơ bản của bóng đá; Kỹ thuật giữ bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, bằng đùi, tâng bóng bằng mu giữa, lòng bàn chân, bằng đùi, kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân; Kỹ thuật ném biên; Phương pháp trọng tài, thi đấu; Trò chơi vận động với bóng.

(22.3) 4TQ015DC (Bóng đá 2):

1TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 4TQ014DC (Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)).

- *Mục tiêu:* Trang bị cho học sinh nắm được những kỹ năng thực hiện các kỹ thuật đá bóng, một số kiến thức cơ bản về năng vận động của môn bóng đá.

- *Nội dung:* Chiến thuật bóng đá; Phương pháp trọng tài, thi đấu; Kỹ thuật đá lòng bàn chân kết hợp kỹ thuật giữ bóng bằng lòng bàn chân; Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân; Trò chơi vận động với bóng; Kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân; Kỹ thuật đánh đầu trán giữa; Bài tập thi đấu bóng đá.

(21.4) 4TQ016DC (Bóng rổ 1):

1TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 4TQ009DC (Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)).

- *Mục tiêu:* Trang bị cho học sinh nắm được những kiến thức cơ bản về môn bóng rổ giúp sinh viên trong quá trình sống, học tập và làm việc.

- *Nội dung:* Lịch sử phát triển và đặc điểm tác dụng môn bóng rổ; Giới thiệu luật thi đấu bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn bóng rổ; Kỹ thuật nhồi bóng rổ cơ bản đến nâng cao; Kỹ thuật di chuyển trong bóng rổ; Kỹ thuật dẫn bóng rổ; Kỹ thuật chuyển bóng rổ; Kỹ thuật bắt bóng rổ; Kỹ thuật ném rổ; Kỹ thuật, chiến thuật tấn công, phòng thủ trong bóng rổ; Kiểm tra kỹ thuật ném rổ.

(22.4) 4TQ017DC (Bóng rổ 2):

1TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 4TQ016DC (Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)).

- *Mục tiêu:* Trang bị nâng cao cho sinh viên kỹ năng thực hiện các kỹ - chiến thuật trong bóng rổ, một số kiến thức cơ bản về đội hình chiến thuật trong tập luyện và thi đấu.

- *Nội dung:* Kỹ - chiến thuật cơ bản Bóng rổ; Kỹ thuật di chuyển không bóng; Kỹ thuật dẫn bóng; Kỹ thuật chuyền và bắt bóng; Kỹ thuật tại chỗ ném rổ; Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ 1 tay trên vai; Chiến thuật phòng thủ khu vực; Thẻ lực chuyên môn; Thi đấu ứng dụng.

(23) 4TN305DH (Tin học cơ bản):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không.

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản về tin học, các thành phần và chức năng cơ bản của máy tính, về xử lý thông tin, hệ điều hành; Sử dụng thành thạo các ứng dụng thông dụng: Soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, Internet & dịch vụ.

- *Nội dung:* Kiến thức cơ bản về tin học, hệ điều hành máy tính và kỹ năng sử dụng tin học văn phòng; Các thao tác xử lý văn bản trên Microsoft Word, các hàm cơ bản trên Microsoft Excel; Tạo các bài trình chiếu.

(24) 4SP103DC (Kỹ năng mềm):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không.

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về một số kỹ năng mềm. Trên cơ sở đó hình thành ở sinh viên các kỹ năng tương ứng để họ có thể thích ứng với cuộc sống, học tập và nghề nghiệp cũng như tích cực tham gia các hoạt động xã hội.

- *Nội dung:* Khái quát về kỹ năng mềm; Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng học tập ở đại học; Kỹ năng ứng phó với căng thẳng; Kỹ năng đàm phán; Kỹ năng tìm kiếm việc làm.

(25) 4KT101DH (Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị. Trên cơ sở đó giúp sinh viên phát triển kỹ năng chuyên môn và kiến thức tổng quát về hoạt động quản trị kinh doanh trong tổ chức.

- *Nội dung:* Những vấn đề tổng quan về quản trị học; Sự phát triển của lý thuyết quản trị; Vận dụng quy luật và các nguyên tắc quản trị; Môi trường quản trị; Quyết định và thông tin trong quản trị; Lập kế hoạch; Chức năng tổ chức; Lãnh đạo; Kiểm tra.

(26) 3KT102CD (Kinh tế vi mô):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các vấn đề kinh tế cơ bản của các chủ thể trong nền kinh tế; Vận dụng các kiến thức cơ bản để phân tích các vấn đề cụ thể như: lý thuyết cung cầu, hành vi của người tiêu dùng, hành vi của người

sản xuất, lý thuyết về cạnh tranh và độc quyền.

- *Nội dung:* Kinh tế học vi mô và những vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp; Cung cầu và giá cả hàng hóa; Hành vi của doanh nghiệp và người tiêu dùng; Lý thuyết về các loại hình thị trường và sự lựa chọn tối ưu của doanh nghiệp; Vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường tác động đến hoạt động kinh tế vi mô.

(27) 3KT101DH (Kinh tế vĩ mô):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không.

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các vấn đề kinh tế cơ bản của một nền kinh tế; Vận dụng các kiến thức cơ bản để phân tích các mối quan hệ tổng cung tổng cầu và nội dung các chính sách kinh tế vĩ mô.

- *Nội dung:* Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; Giới thiệu những tư tưởng chính trong tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỉ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

(28) 3KT108CD (Phương pháp nghiên cứu kinh doanh):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng để vận dụng vào các công việc nghiên cứu kinh doanh trong thực tập, kiến tập, khảo sát, nghiên cứu các vấn đề về quản trị kinh doanh tại doanh nghiệp.

- *Nội dung:* Khái niệm, quy trình nghiên cứu kinh doanh, các vấn đề trong nghiên cứu kinh doanh; Kết cấu đề xuất nghiên cứu kinh doanh; Xác định đề tài, mục tiêu và các giả thuyết nghiên cứu; Thu thập dữ liệu thứ cấp; chọn mẫu nghiên cứu; Thiết kế bản câu hỏi; Thu thập, chuẩn bị và phân tích dữ liệu; Viết báo cáo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

(29) 3KT116CD (Lịch sử các học thuyết kinh tế):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về lịch sử các học thuyết kinh tế. Trên cơ sở đó hình thành ở sinh viên tư duy kinh tế.

- *Nội dung:* Những vấn đề chung về lịch sử các học thuyết kinh tế; Học thuyết kinh tế trọng thương; Học thuyết kinh tế trọng nông; Học thuyết kinh tế tư sản cổ điển Anh; Học thuyết kinh tế hậu cổ điển; Học thuyết kinh tế tân cổ điển; Học thuyết kinh

tế trường phái Keynes; Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa tự do mới; Học thuyết kinh tế của trường phái chính hiện đại.

(30) 3KT126DH (Lý thuyết tài chính tiền tệ):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiền tệ, thanh toán trong nền kinh tế thị trường; có hiểu biết về tài chính và ngân sách. Trên cơ sở đó trang bị cho người học phương pháp cơ bản để tìm hiểu, phân tích, đánh giá các vấn đề liên quan đến tài chính, tiền tệ.

- *Nội dung:* Tiền tệ trong nền kinh tế thị trường; Tín dụng - Bảo hiểm - Ngân hàng; Thanh toán trong nền kinh tế thị trường; Những vấn đề cơ bản về tài chính; Ngân sách nhà nước; Thị trường tài chính.

(31) 3KT109CD (Kinh tế phát triển):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế phát triển. Trên cơ sở đó hình thành ở sinh viên kỹ năng phân tích, lựa chọn cách thức để tăng trưởng và phát triển kinh tế.

- *Nội dung:* Những vấn đề tổng quan về kinh tế phát triển; Tăng trưởng kinh tế; Chuyển dịch cơ cấu kinh tế; Tiến bộ xã hội trong phát triển kinh tế; Lao động - việc làm với phát triển kinh tế; Tiết kiệm đầu tư với phát triển kinh tế.

(32) 4KT111DC (Marketing căn bản):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về marketing, tầm quan trọng của marketing trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Nội dung:* Những vấn đề cơ bản về Marketing, Thị trường trong hoạt động Marketing, giới thiệu về các chính sách Marketing mix như: Chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách xúc tiến.

(33) 3KT146DH (Hành vi tổ chức):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hành vi tổ chức. Trên cơ sở đó hình thành ở sinh viên các kỹ năng quản trị hành vi trong tổ chức.

- *Nội dung:* Những vấn đề tổng quan về hành vi tổ chức; Cơ sở hành vi cá nhân, tổ chức; Ra quyết định cá nhân; Nhóm trong tổ chức; Hành vi tổ chức; Thay đổi và phát triển.

(34) 3KT105CD (Thương mại điện tử):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức/kỹ năng về Thương mại điện tử, từ đó giúp sinh viên có kỹ năng để tổ chức hoạt động thương mại điện tử trong doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu toàn cầu hóa hiện nay.

- *Nội dung:* Những vấn đề chung về Thương mại điện tử; Các cơ sở của Thương mại điện tử; Thương mại điện tử giữa doanh nghiệp và khách hàng; Sàn giao dịch TMĐT; Thanh toán điện tử; Chính phủ điện tử.

(35) 4KT319DH (Bài tập lớn Thương mại điện tử):

1TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Sinh viên vận dụng những kỹ năng ứng dụng Thương mại điện tử trong thực tiễn, thực hiện thành thạo các quy trình thực hiện giao dịch điện tử và các biện pháp để phòng tránh rủi ro trong kinh doanh điện tử.

- *Nội dung:* Vận dụng những kiến thức cơ bản của thương mại điện tử thực hành các phần hành cụ thể sau: Quy trình thực hiện giao dịch điện tử, Phòng tránh rủi ro trong thương mại điện tử và Ứng dụng Luật trong Thương mại điện tử.

(36) Chọn 1 trong 2 học phần:

2TC

(36.1) 3KT110CD (Kinh doanh quốc tế)

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kinh doanh quốc tế, phương pháp tư duy kinh doanh, kỹ năng kinh doanh và đưa ra được những quyết định hiệu quả trong kinh doanh quốc tế.

- *Nội dung:* Giới thiệu kinh tế quốc tế và tổng quan về nền kinh tế thế giới; Khái niệm và các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế, thảo luận về các động của hội nhập; Các lý thuyết cổ điển, tân cổ điển, lý thuyết mới về thương mại quốc tế; Chính sách và các công cụ chính sách trong thương mại quốc tế; Thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái.

(36.2) 3KT102DH (Kinh tế quốc tế)

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về nền kinh tế thế giới hiện đại. Xác định và giải thích được các vấn đề về giao thương giữa các quốc gia, lợi ích

đạt được khi giao thương và bản chất của giao thương.

- *Nội dung:* Những kiến thức cơ bản về nền kinh tế thế giới; thương mại quốc tế; đầu tư quốc tế; thị trường tiền tệ và cán cân thanh toán quốc tế; liên kết kinh tế quốc

tế và các tổ chức kinh tế quốc tế; Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

(37) Chọn 1 trong 2 học phần:

2TC

(37.1) 3KT158DH (Kinh tế lao động)

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế lao động. Trên cơ sở đó hình thành ở sinh viên kỹ năng phân tích lợi ích và chi phí của doanh nghiệp và người lao động trong việc đào tạo lao động.

- *Nội dung:* Những vấn đề tổng quan về kinh tế lao động; Xác định các hàm cung và hàm cầu của lao động trên thị trường; Giải thích được các quyết định cung lao động của những người lao động trên thị trường và tác động của các chính sách lao động - việc làm của chính phủ.

(37.2) 3KT147DH (Kinh tế môi trường)

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế môi trường. Trên cơ sở đó hình thành ở sinh viên các kỹ năng phân tích, đánh giá tác động môi trường nhằm quản lý môi trường hiệu quả.

- *Nội dung:* Những vấn đề chung kinh tế môi trường; Chất lượng môi trường; Đánh giá những tác động của môi trường; Khan hiếm tài nguyên, dân số, kinh tế, quản lý môi trường.

(38) Chọn 1 trong 2 học phần:

2TC

(38.1) 3KT103DH (Thị trường chứng khoán)

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán và cách thức tiến hành giao dịch trên thị trường chứng khoán chính thức. Đồng thời hướng dẫn sinh viên những phương pháp định giá chứng khoán cơ bản.

- *Nội dung:* Tổng quan về thị trường tài chính; Chứng khoán; Thị trường chứng khoán sơ cấp; Thị trường chứng khoán thứ cấp; Phân tích chứng khoán và đầu tư chứng khoán.

(38.2) 4KT103DH (Điều hành kênh phân phối)

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về Quản trị kênh phân phối, từ đó giúp sinh viên có kỹ năng để tổ chức kênh phân phối và quản lý thành công hệ thống phân phối sản phẩm trong doanh nghiệp.

- *Nội dung:* Những vấn đề chung về kênh phân phối và quản trị kênh phân phối;

Chiến lược kênh phân phối; Thiết kế kênh phân phối; Tổ chức phân phối hàng hóa vật chất; Quản lý điều hành và kiểm soát kênh phân phối.

(39) 3KT158DC (Quản trị chiến lược):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về Quản trị chiến lược, xây dựng chiến lược, thực hiện chiến lược và đánh giá chiến lược. Áp dụng kiến thức để sử dụng, quản trị chiến lược hiệu quả trong một tổ chức.

- *Nội dung:* Tổng quan về Quản trị chiến lược, nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp, phân tích môi trường kinh doanh xác định cơ hội và nguy cơ, phân tích môi trường nội bộ doanh nghiệp xác định các điểm mạnh và yếu, phân tích và lựa chọn chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá chiến lược.

(40) 4KT104DH (Quản trị công nghệ):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về Quản trị công nghệ. Từ đó vận dụng được kiến thức để quản trị công nghệ có hiệu quả tại doanh nghiệp.

- *Nội dung:* Các kiến thức chung, tổng quát, mới về quản trị công nghệ của một quốc gia đang phát triển, như: khái quát về công nghệ, quản lý công nghệ, môi trường công nghệ, đánh giá công nghệ, lựa chọn công nghệ, đổi mới công nghệ, năng lực công nghệ, chuyển giao công nghệ.

(41) 4KT105DH (Quản trị chất lượng):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về Quản trị chất lượng; Hệ thống quản trị chất lượng; Đảm bảo và cải tiến chất lượng, kiểm tra chất lượng sản phẩm. Vận dụng kiến thức để quản trị chất lượng trong doanh nghiệp hiệu quả.

- *Nội dung:* Các kiến thức chung, tổng quát về quản trị chất lượng như: Chất lượng sản phẩm và dịch vụ, quản lý chất lượng, chi phí chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng, tiêu chuẩn hóa và đo lường chất lượng, đảm bảo cải tiến chất lượng...

(42) 4KT143DC (Quản trị nhân lực):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị nhân lực. Trên cơ sở đó hình thành ở sinh viên kỹ năng, phương pháp quản trị nhân lực hiệu quả.

- *Nội dung:* Những vấn đề tổng quan về quản trị nguồn nhân lực; Thiết kế và phân tích công việc; Kế hoạch hóa nguồn nhân lực; Tuyển mộ và tuyển chọn nhân lực; Bố trí nhân lực và thôi việc; Đánh giá thực hiện công việc; Đào tạo và phát triển

nguồn nhân lực; Quản trị tiền lương và tiền công; Các vấn đề về thù lao và phúc lợi cho người lao động; Hợp đồng lao động; Kỷ luật lao động.

(43) 3KT111CD (Văn hóa kinh doanh):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá kinh doanh. Trên cơ sở đó hình thành ở sinh viên các kỹ năng tổ chức, xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

- *Nội dung:* Những vấn đề tổng quan về văn hóa kinh doanh; Các yếu tố cấu thành văn hóa kinh doanh; Văn hóa kinh doanh Việt Nam; Văn hóa kinh doanh quốc tế.

(44) 3KT137DH (Quản trị tác nghiệp):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về công tác hoạch định và tổ chức quá trình sản xuất tác nghiệp trong doanh nghiệp. Từ đó vận dụng quản trị tác nghiệp có hiệu quả trong doanh nghiệp.

- *Nội dung:* Dự báo cầu sản phẩm, Thiết kế sản phẩm và lựa chọn quá trình sản xuất, Hoạch định sản công suất, Định vị doanh nghiệp, Bố trí mặt bằng trong sản xuất, Hoạch định tổng hợp.

(45) 3KT111DH (Quản trị tài chính):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và phát triển kỹ năng quản lý tài chính doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường hội nhập.

- *Nội dung:* Quản trị tài sản cố định; Quản trị tài sản lưu động và vốn lưu động; Quản trị nguồn vốn trên cơ sở cơ cấu vốn hợp lý và chi phí sử dụng vốn tối ưu; Cách xác định doanh thu, chi phí và lợi nhuận của Doanh nghiệp; Cách thẩm định dự án đầu tư tối ưu và phân tích tài chính doanh nghiệp.

(46) 3KT139DH (Quản trị văn phòng):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị văn phòng. Trên cơ sở đó hình thành ở sinh viên kỹ năng xử lý các công việc hành chính văn phòng nhằm phục vụ mục tiêu phát triển doanh nghiệp.

- *Nội dung:* Những vấn đề tổng quan về quản trị văn phòng; Một số nghiệp vụ cơ bản của văn phòng; Tổ chức công tác lễ tân; Soạn thảo và quản lý văn bản; Công tác lưu trữ.

(47) 3KT142DH (Tâm lý và đạo đức kinh doanh):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- *Mục tiêu*: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý và đạo đức kinh doanh. Trên cơ sở đó hình thành ở sinh viên kỹ năng phân tích và đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Nội dung*: Những vấn đề tổng quan về tâm lý và đạo đức kinh doanh; Tâm lý học

kinh doanh; Tâm lý người lao động trong doanh nghiệp; Tâm lý khách hàng; Tâm lý người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh; Trắc nghiệm tâm lý trong quản trị kinh doanh; Đạo đức kinh doanh.

(48) 3KT108DH (Bài tập lớn Quản trị doanh nghiệp):

1TC

- *Điều kiện tiên quyết*: (4KT301DH) Quản trị doanh nghiệp

- *Mục tiêu*: Sinh viên vận dụng thành thạo những kỹ năng để hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp; Quản trị theo mục tiêu; Quản trị theo quá trình và quản trị theo kết quả; Quản trị kết quả theo mức lãi thô trong từng thời kỳ.

- *Nội dung*: Vận dụng những kiến thức cơ bản của quản trị doanh nghiệp vào công tác điều hành doanh nghiệp, bao gồm một trong các nội dung cụ thể sau: Giới thiệu; Mô tả hoạt động kinh doanh; Thị trường; Phát triển và sản xuất; Bán hàng và Marketing; Ban quản trị; Tài chính.

(49) Chọn 1 trong 2 học phần:

2TC

(49.1) 3KT143CD (Quản trị thương hiệu)

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- *Mục tiêu*: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thương hiệu; cách thức xây dựng thương hiệu; thiết kế, đăng ký thương hiệu; quản lý thương hiệu trong quá trình kinh doanh.

- *Nội dung*: Tổng quan về thương hiệu và quản trị thương hiệu; Chiến lược thương hiệu; Thiết kế các yếu tố cấu thành thương hiệu; Bảo vệ thương hiệu; Chiến lược Marketing hỗn hợp nhằm tạo dựng thương hiệu; Định giá và phát triển thương hiệu.

(49.2) 3KT159DH (Quản trị nhóm làm việc)

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- *Mục tiêu*: Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản của nhóm làm việc, xây dựng nhóm làm việc, lãnh đạo và động viên nhóm. Vận dụng kỹ năng giao tiếp nhóm và giải quyết các xung đột trong nhóm làm việc.

- *Nội dung*: Những kiến thức khái quát về nhóm làm việc và quản trị nhóm làm việc; Vai trò trách nhiệm và phẩm chất của nhà quản trị nhóm làm việc; Quy trình và

kỹ năng xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; Các hình thức và kỹ năng giao tiếp nhóm; Lãnh đạo và động viên nhóm làm việc, Các dạng xung đột nhóm và cách thức giải quyết xung đột nhóm.

(50) 4KT301DH (Quản trị doanh nghiệp):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về Quản trị doanh nghiệp. Từ đó giúp người học phát triển kỹ năng chuyên môn về hoạt động quản trị doanh nghiệp trong tổ chức.

- *Nội dung:* Giới thiệu chung về quản trị doanh nghiệp (đại cương về quản trị doanh

nh nghiệp, cấp quản trị, chức năng và lĩnh vực quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp), Điều hành trong quản trị doanh nghiệp (hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp, quản trị theo mục tiêu, quản trị theo quá trình, quản trị theo kết quả).

(51) 4KT302DH (Khởi sự kinh doanh):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khởi sự kinh doanh. Trên cơ sở đó hình thành ở sinh viên kỹ năng lựa chọn ý tưởng; lập kế hoạch; triển khai hoạt động khởi nghiệp.

- *Nội dung:* Những vấn đề tổng quan về khởi sự kinh doanh; Phát hiện cơ hội kinh doanh và đánh giá tính hiện thực; Đánh giá thị trường; Lựa chọn hình thức kinh doanh, nhân sự và trách nhiệm pháp lý của chủ doanh nghiệp; Ước tính vốn khởi động kinh doanh và kế hoạch thu lợi nhuận; Quản lý mua hàng và quản lý tồn kho; Quyết định khởi sự việc kinh doanh.

(52) 4KT303DH (Quản trị Marketing):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 4KT111DC (Marketing căn bản)

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về Quản trị Marketing, từ đó giúp sinh viên có khả năng xây dựng được chiến lược Marketing trong điều kiện cạnh tranh của doanh nghiệp.

- *Nội dung:* Những kiến thức tổng quan về Quản trị Marketing như: Hoạch định chiến lược Marketing, Các chiến lược Marketing cạnh tranh, Tổ chức hoạt động và kiểm tra...

(53) 4KT304DH (Quản trị dự án đầu tư):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản trong quản trị dự án đầu tư. Từ đó giúp sinh viên đáp ứng được yêu cầu khi làm việc trong môi trường dự án, thực

hiện dự án có hiệu quả.

- *Nội dung*: Tổng quan về quản lý dự án đầu tư; Mô hình tổ chức và nhà quản lý dự án; Lập kế hoạch dự án; Quản lý thời gian và tiến độ dự án; Phân phối nguồn lực cho dự án; Dự toán ngân sách và quản lý chi phí dự án; Giám sát và đánh giá dự án.

(54) 4KT305DH (Phân tích hoạt động kinh doanh):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- *Mục tiêu*: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, phân tích và đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phục vụ quá trình ra quyết định trong doanh nghiệp.

- *Nội dung*: Khái quát chung về phân tích hoạt động kinh doanh (các phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh); Phân tích tình hình sử dụng các hoạt động cung cấp (nhân lực, nguyên vật liệu); Phân tích sản xuất và giá thành sản xuất sản phẩm; Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

(55) 4KT201DH (Thực tập nghề nghiệp):

7TC

- *Điều kiện tiên quyết*: 4KT301DH (Quản trị doanh nghiệp)

- *Mục tiêu*: Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức, đơn vị nhằm phát triển các kỹ năng quản trị doanh nghiệp.

- *Nội dung*: Tìm hiểu và nắm bắt thực tế về công tác quản trị doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động, tình hình quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư trang thiết bị, các chỉ tiêu chất lượng, số lượng lao động, sản lượng, doanh thu của doanh nghiệp. Qua đó, sinh viên sẽ lĩnh hội tri thức và kinh nghiệm từ thực tiễn hoạt động quản trị của doanh nghiệp, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng xử lý các quy trình tác nghiệp về quản trị doanh nghiệp; trau dồi đạo đức, phong cách nghề nghiệp. Đây là tiền đề quan trọng giúp sinh viên nhanh chóng phát huy năng lực công tác sau khi tốt nghiệp.

(56) 4KT202DH (Thực tập tốt nghiệp):

7TC

- *Điều kiện tiên quyết*: 4KT301DH (Quản trị doanh nghiệp)

- *Mục tiêu*: Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kinh nghiệm làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế nhằm phát triển các kỹ năng quản trị tổ chức.

- *Nội dung*: Tìm hiểu thực tế về công tác quản trị doanh nghiệp bao gồm: Lập kế hoạch trong doanh nghiệp, hoạt động tiêu thụ sản phẩm tại doanh nghiệp, công tác lao động- tiền lương trong doanh nghiệp, hoạt động quản trị chất lượng sản phẩm tại doanh nghiệp, Hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, tình hình quản lý và sử dụng vốn kinh doanh, chi phí sản xuất kinh doanh, công tác nghiên cứu và phát triển thị

trường. Qua đó, sinh viên có thể vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học vào công việc thực tế, giải quyết các vấn đề cụ thể tại các tổ chức, doanh nghiệp.

(57) 4KT150DC (Khoá luận hoặc tiểu luận tốt nghiệp):

9TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 4KT301DH (Quản trị doanh nghiệp)

- *Mục tiêu:* Giúp sinh viên làm quen và tăng cường kỹ năng thực tế, năng lực chuyên môn phù hợp với chuyên ngành quản trị kinh doanh. Hệ thống hóa kiến thức cơ bản đã được trang bị, vận dụng vào thực tế để phân tích các chính sách hoặc giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh. Rèn luyện các kỹ năng, tác phong làm việc chuyên nghiệp, quan điểm, thái độ lao động, ý thức phục vụ, năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn, phương pháp tiếp cận vào việc giải quyết đề tài nghiên cứu.

- *Nội dung:* Sinh viên lựa chọn một phần hành trong chuyên ngành quản trị kinh doanh làm đề tài nghiên cứu, sử dụng phương pháp thu thập, tổng hợp và xử lý số liệu, tài liệu đã tìm hiểu, phân tích, đánh giá về một hoạt động cụ thể trong doanh nghiệp hay đơn vị thực tập từ đó đưa ra các hướng giải quyết những vấn đề bị hạn chế của doanh nghiệp và thực hiện trình bày nội dung chi tiết của vấn đề nghiên cứu theo yêu cầu của một Khóa luận tốt nghiệp.

(58) 4KT131DH (Chuyên đề tốt nghiệp 1):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 4KT301DH (Quản trị doanh nghiệp)

- *Mục tiêu:* củng cố và vận dụng các kiến thức lý thuyết về quản trị chiến lược; sử dụng các công cụ phân tích như SWOT, PESTEL để đánh giá môi trường kinh doanh và nội lực doanh nghiệp; xây dựng chiến lược kinh doanh khả thi, lập kế hoạch triển khai chi tiết, hoàn thiện báo cáo chiến lược dựa trên dữ liệu thực tế từ một tổ chức kinh doanh.

- *Nội dung:* Khái quát lý thuyết quản trị chiến lược; phân tích môi trường kinh doanh vĩ mô và ngành; đánh giá nội lực doanh nghiệp; đề xuất chiến lược kinh doanh phù hợp và lập kế hoạch triển khai.

(59) 4KT132DH (Chuyên đề tốt nghiệp 2):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 4KT301DH (Quản trị doanh nghiệp)

- *Mục tiêu:* củng cố và hệ thống hóa kiến thức lý thuyết về quản trị tài chính; sử dụng các công cụ và phương pháp phân tích tài chính để đánh giá cơ cấu vốn, dòng tiền và hiệu quả tài chính của doanh nghiệp thực tế; xây dựng báo cáo phân tích chi tiết với các giải pháp cải thiện hiệu quả tài chính.

- *Nội dung:* Tổng quan về quản trị tài chính; phân tích các chỉ số tài chính (ROA, ROE, đòn bẩy...); đánh giá cơ cấu vốn và hiệu quả sử dụng vốn; đề xuất các giải pháp cải thiện tài chính doanh nghiệp.

(60) 4KT133DH (Chuyên đề tốt nghiệp 3):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 4KT301DH (Quản trị doanh nghiệp)

- *Mục tiêu:* Củng cố và vận dụng các kiến thức về quản trị bán hàng; sử dụng các công cụ phân tích như KPIs, CRM, SWOT để đánh giá thực trạng hoạt động bán hàng của doanh nghiệp; xây dựng chiến lược bán hàng hiệu quả và lập kế hoạch triển khai thực tế.

- *Nội dung:* Tổng quan về quản trị bán hàng; các công cụ đánh giá hiệu quả bán hàng; các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động bán hàng; đề xuất chiến lược bán hàng phù hợp với thị trường mục tiêu; lập kế hoạch triển khai và đánh giá hiệu quả chiến lược

(61) 4SP001DC (Tiếng Việt nâng cao 1):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không.

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên kiến thức về các cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp cơ bản và ứng xử phù hợp trong các tình huống giao tiếp.

- *Nội dung:* Các tình huống, từ vựng, ngữ pháp và thực hành về các chủ đề: Chuẩn bị đi Việt Nam; Ở nhà hàng, ở khách sạn, thuê nhà và các dịch vụ khác; Xin học và làm quen cuộc sống ở Việt Nam.

(62) 4SP002DC (Tiếng Việt nâng cao 2)

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 4SP001DC (Tiếng việt nâng cao 1).

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu trúc ngữ pháp và tổ hợp từ phong phú. Từ đó hình thành kỹ năng trình bày một vấn đề logic, hệ thống, có tính thuyết phục.

- *Nội dung:* Các tình huống, từ vựng, ngữ pháp và thực hành về các chủ đề: Chăm sóc sức khỏe; thăm hỏi, may, sắm(mua) quần áo, tham quan, hoạt động giải trí; hoạt động thể thao và giao thông.

(63) 4SP003DC (Tiếng Việt nâng cao 3):

3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* 4SP002DC (Tiếng việt nâng cao 2).

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên kiến thức mở rộng vốn từ trừu tượng, những kết cấu ngữ pháp đặc biệt trong giao tiếp và học tập.

- *Nội dung:* Các tình huống, từ vựng, ngữ pháp và thực hành về các chủ đề: Báo chí, đi tham quan, chuyện người già, Hồ Gươm, nấu nướng, phụ nữ và giáo dục.

(64) 3ML002DC (Văn hóa Việt Nam):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không.

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản và hệ thống hóa về các đặc trưng bản sắc của văn hóa Việt Nam; Nhận biết được những nét riêng, độc

đạo làm nên bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam và văn hóa vùng miền.

- *Nội dung:* Những vấn đề cơ bản về văn hóa Việt Nam. Các điều kiện tự nhiên và xã hội chi phối sự hình thành văn hóa Việt Nam; những hiểu biết cơ bản về đặc trưng bản sắc của văn hóa truyền thống Việt Nam và các vùng văn hóa Việt Nam.

(65) 3ML003DC (Lịch sử Việt Nam):

2TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không.

- *Mục tiêu:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về Lịch sử Việt Nam từ thời kỳ nguyên thủy cho đến ngày nay. Đó là đời sống của người Việt cổ; là quá trình dựng nước và giữ nước oai hùng của dân tộc; là quá trình Việt Nam trên con đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội.

- *Nội dung:* Lịch sử Việt Nam từ quá trình dựng nước và giữ nước, quá trình xây dựng và phát triển cội nguồn cho đến nay. Qua đó, trang bị người học nâng cao nhận thức về lịch sử Việt Nam. Tôn trọng, yêu mến và khâm phục lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam.

PHẦN IV. ĐỐI SÁNH CÁC CTĐT QUẢN TRỊ KINH DOANH

TT	Khối kiến thức	Đại học SPKT Vinh	Đại học Cần Thơ		Học viện Hàng không Việt Nam		Đại học Kinh tế và QTKD - Đại học Thái Nguyên		Đại học Vinh			
			Môn học	Số TC	Môn học	Số TC	Môn học	Số TC	Môn học	Số TC	Môn học	Số TC
I	Giáo dục đại cương:	46									Giáo dục đại cương:	85
A	Lý luận chính trị:	11										10
1	Triết học Mác - Lênin	3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	Triết học Mác-Lênin	3	Triết học Mác-Lênin	3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	5
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2				
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
B	Khoa học tự nhiên:	7										
	Bắt buộc	4										
1	Toán cao cấp 1	2	Quy hoạch tuyến tính	3	Toán cao cấp	3					Toán cao cấp 1	3
2	Toán cao cấp 2	2	Ứng dụng toán trong kinh doanh	3*							Toán cao cấp 2C	3
	Lựa chọn cho các chuyên ngành	3	Toán kinh tế 1	3	Quy hoạch tuyến tính	3*	Toán kinh tế	3	Toán cho các nhà kinh tế	4	Mô hình toán kinh tế	3
3	Xác suất thống kê toán	3	Xác suất thống kê	3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	Xác suất - Thống kê và Toán kinh tế	4	Xác suất thống kê	3
C	Khoa học XH & NV:	6										
1	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	2			Pháp luật đại cương	2
	<i>Chọn 01 HP</i>	2*										
2	<i>Kinh tế học đại cương</i>	2									<i>Địa lý kinh tế</i>	3*
2	<i>Nhập môn logic học</i>	2	Logic học đại cương	2*							<i>Đạo đức kinh doanh</i>	3*
2	<i>Phương pháp luận NCKH</i>	2			Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2						
3	Đề xuất khác nếu có											
	Lịch sử kinh tế quốc dân	2										
D	Ngoại ngữ:	11	Ngoại ngữ	10			Ngoại ngữ	10	Ngoại ngữ	7	Ngoại ngữ	5
1	Tiếng Anh cơ bản 1	3	Anh văn căn bản 1	4	Tiếng Anh cơ bản 1	3	Tiếng Anh 1	2	Tiếng Anh 1	3	Tiếng anh thương mại 1	5
2	Tiếng Anh cơ bản 2	3	Anh văn căn bản 2	3	Tiếng Anh cơ bản 2	3	Tiếng Anh 2	2	Tiếng Anh 2	4	Tiếng anh thương mại 2	5
3	Tiếng Anh cơ bản 3	3	Anh văn căn bản 3	3			Tiếng Anh 3	2			Tiếng anh thương mại 3	5

4	Tiếng anh chuyên ngành kinh tế	2	Anh văn thương mại 1	3	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	Tiếng Anh 4	2			Tiếng anh thương mại 4	5
					Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	Tiếng Anh 5	2			Tiếng anh thương mại 5	5
											Tiếng anh thương mại	5
E	Giáo dục Quốc phòng - An ninh:	8	Giáo dục Quốc phòng - An ninh:	8	Giáo dục Quốc phòng - An ninh:		Giáo dục quốc phòng	5 tuần	Giáo dục Quốc phòng - An ninh:	8	Giáo dục Quốc phòng - An ninh:	8
1	Giáo dục QP-AN 1 (Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam)	3	Giáo dục QP-AN 1	3	Giáo dục QP-AN 1				Giáo dục QP 1 (Đường lối quân sự)	3	Công tác quốc phòng - an ninh	2
2	Giáo dục QP-AN 2 (Công tác quốc phòng, an ninh)	2	Giáo dục QP-AN 2	2	Giáo dục QP-AN 2				Giáo dục QP 2 (Công tác quốc phòng, an ninh)	2	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK (CKC)	3
3	Giáo dục QP-AN 3 (quân sự chung)	1	Giáo dục QP-AN 3	3	Giáo dục QP-AN 3				Giáo dục QP 3 (quân sự chung & chiến thuật, KT bắn súng...)	3		3
4	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	2										
F	Giáo dục thể chất: Chọn một trong các hướng chuyên sâu (xuyên suốt)	3	Giáo dục thể chất	90 tiết			Giáo dục thể chất	90 tiết	Giáo dục thể chất	5	Giáo dục thể chất	9
1	Bóng bàn	3	Giáo dục thể chất 1	30 tiết	Giáo dục thể chất 1		Giáo dục thể chất 1	30 tiết			Giáo dục thể chất 1	2
	<i>Bóng bàn 1</i>	1	Giáo dục thể chất 2	30 tiết	Giáo dục thể chất 2		Giáo dục thể chất 2	30 tiết			Giáo dục thể chất 2	2
	<i>Bóng bàn 2</i>	1	Giáo dục thể chất 3	30 tiết	Giáo dục thể chất 3		Giáo dục thể chất 3	30 tiết			Giáo dục thể chất 3	2
	<i>Bóng bàn 3</i>	1			Giáo dục thể chất 4						Giáo dục thể chất 4	2
2	Bóng rổ	3			Giáo dục thể chất 5						Giáo dục thể chất 5	1
	<i>Bóng rổ 1</i>	1										
	<i>Bóng rổ 2</i>	1										
	<i>Bóng rổ 3</i>	1										
3	Thể dục + điền kinh	3										
	<i>Điền kinh 1</i>	1										
	<i>Điền kinh 2</i>	1										
	<i>Điền kinh 3</i>	1										
4	Bóng chuyền	3										
	<i>Bóng chuyền 1</i>	1										
	<i>Bóng chuyền 2</i>	1										
	<i>Bóng chuyền 3</i>	1										
5	Bóng đá	3	Kiểm toán hoạt động	2*								
	<i>Bóng đá 1</i>	1	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2*								
	<i>Bóng đá 2</i>	1	Kế toán tài chính 1	3*			Kế toán tài chính	3				
	<i>Bóng đá 3</i>	1	Văn bản là lưu trữ học đại cương	2*	Quản trị logistic	3						
O	Môn học thay thế (cho SV nước ngoài):		Quản trị sự thay đổi	2*	Quản trị sự thay đổi	2*						
1	Tiếng Việt nâng cao 1 (<i>thay thế Tiếng Anh cơ bản 1</i>)	3	Tiếng Việt thực hành	2*	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3						
2	Tiếng Việt nâng cao 2 (<i>thay thế Tiếng Anh cơ bản 2</i>)	3	Kế toán quản trị 1	3	Kế toán quản trị	2	Kế toán quản trị	3*				

3	Tiếng Việt nâng cao 3 (thay thế Tiếng Anh cơ bản 3)	3					Quản trị chuỗi cung ứng	3*				
4	Văn hóa Việt Nam (thay thế Tiếng Anh chuyên ngành)	2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2*			Ra quyết định quản trị	3				
5	Lịch sử Việt Nam (thay thế giáo dục QP – AN)	2					Quản trị quan hệ khách hàng	3*				
II	Giáo dục chuyên nghiệp:	100			Quản trị bán hàng	2	Quản trị bán hàng	3*				
A	Cơ sở ngành	36					Quản trị tri thức	3*				
A1	HP Lý thuyết			3		2		3*			Quản trị sản xuất	4
			Quản trị sản xuất		Quản trị sản xuất và điều hành		Quản trị sản xuất					
1	Tin học cơ bản	3	Tin học căn bản + TT	3	Tin học đại cương	3*	Tin học đại cương	3	Tin học ứng dụng	3	Tin học văn phòng	3
2	Kỹ năng mềm (1LT+2TH)	3	Kỹ năng giao tiếp	2			Giao tiếp trong kinh doanh	3*	Nhập môn ngành kinh tế	2	Kỹ năng giao tiếp	2*
3	Nhập môn Quản trị học (2LT+1TH)	3	Quản trị học	3	Quản trị học	3	Quản trị học	3	Quản trị học	3	Quản trị học	3
4	Kinh tế vi mô	2	Kinh tế vi mô 1	3	Kinh tế vĩ mô	3	Kinh tế học vi mô 1	3	Kinh tế vi mô	4	Kinh tế vi mô	4
5	Kinh tế vĩ mô	2	Kinh tế vĩ mô 1	3	Kinh tế vĩ mô	3	Kinh tế học vĩ mô 1	3	Kinh tế vĩ mô	4	Kinh tế vĩ mô	3
6	Phương pháp nghiên cứu kinh doanh	2	Phương pháp nghiên cứu kinh doanh	2								
7			Luật Kinh tế	2	Luật Kinh tế	2	Luật Kinh tế	3	Luật kinh tế	3	Luật kinh tế	3
8	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2							Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	Lịch sử kinh tế thế giới	3*
9	Tài chính - Tiền tệ	3	Tài chính - Tiền tệ	3	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	Tài chính - tiền tệ	3	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	Tài chính - Tiền tệ	3
10	Kinh tế phát triển	2			Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	Nguyên lý thống kê	3			Lý thuyết thống kê	3
11	Marketing căn bản	3	Marketing căn bản	3	Marketing căn bản	3	Marketing căn bản	3	Marketing căn bản	4	Marketing căn bản	3
12	Chọn 1 trong 2 học phần:	2	Nguyên lý kế toán	3	Nguyên lý kế toán	3	Nguyên lý kế toán	3	Nguyên lý kế toán	4	Nguyên lý kế toán	3
	Kinh doanh quốc tế		Kinh doanh quốc tế	3*	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	Kinh doanh quốc tế	3*	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3		
	Kinh tế quốc tế		Kinh tế quốc tế	3*	Kinh tế quốc tế	2*			Kinh tế quốc tế	3		
13	Chọn 1 trong 2 học phần:	2	Nguyên lý thống kê kinh tế	3			Thống kê doanh nghiệp	3*	Thống kê kinh tế	3	Thống kê doanh nghiệp	4
	Kinh tế lao động		Nghiệp vụ ngoại thương	3*			Kỹ thuật NV ngoại thương	3*	Quản lý nhà nước về kinh tế	3		
	Kinh tế môi trường		Thuế	3*					Hệ thống thuế VN	3		
14	Chọn 1 trong 2 học phần:	2							Kỹ năng kinh doanh	4		
	Thị trường chứng khoán		Thị trường chứng khoán	3*	Thị trường chứng khoán	2	Thị trường chứng khoán	3*	Thị trường tài chính	3	Thị trường chứng khoán	3
	Điều hành kênh phân phối		Quản trị chuỗi cung ứng	2*			Kỹ năng quản trị	3*	Kỹ năng quản trị	3		
15	Hành vi tổ chức	2	Hành vi tổ chức	2	Hành vi tổ chức	3						
16	Thương mại điện tử	2	Thương mại điện tử	2*	Thương mại điện tử	3	Thương mại điện tử	3				
17	BTL TMDT	1	Kinh tế lượng	3*	Kinh tế lượng	3	Kinh tế lượng	3			Kinh tế lượng	3
B	Chuyên ngành	64					Pháp luật thương mại hàng hóa và dịch vụ	3			Chuyên ngành	39
B1	HP Lý thuyết	27					Pháp luật về thương nhân	3				
1	Quản trị chiến lược	3	Quản trị chiến lược	3	Quản trị chiến lược	3	Quản trị chiến lược	3	Quản trị chiến lược	3	Chiến lược kinh doanh	4
2	Quản trị tác nghiệp	3	Phân tích định tính trong kinh doanh	3*	Quản trị rủi ro	2					Xác định rủi ro và áp dụng các quy trình quản lý rủi ro	2*

3	Quản trị tài chính	3	Quản trị tài chính	3	Quản trị tài chính	3	Quản trị tài chính	3	Quản trị tài chính	4	Tài chính doanh nghiệp	3
4	Quản trị chất lượng	2	Quản trị chất lượng sản phẩm	2	Quản trị chất lượng	3	Quản trị chất lượng	3	Quản trị chất lượng	3	Quản trị chất lượng	3
5	Quản trị công nghệ	2	Quản lý kỹ thuật và công nghệ	2*			Quản trị công nghệ và đổi mới	3*				
6	Văn hóa kinh doanh	2	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	Văn hóa doanh nghiệp	2*	Đạo đức kinh doanh và VH DN	3*	Văn hóa kinh doanh	3	<i>Văn hóa doanh nghiệp</i>	2*
7	Quản trị nhân lực	3	Quản trị nguồn nhân lực	3	Quản trị nguồn nhân lực	3	Quản trị nhân lực	3	Quản trị nhân lực	3	Quản trị nhân lực	4
8	Quản trị văn phòng	3	Quản trị văn phòng	2*			Quản trị hành chính văn phòng	3	Quản trị hành chính văn phòng	3*	<i>Quản trị văn phòng</i>	2*
9	Tâm lý và đạo đức kinh doanh	3	Tâm lý quản lý	2*	Tâm lý học đại cương	2	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3*	Tâm lý kinh doanh	3*	<i>Tâm lý học người tiêu dùng</i>	2*
10	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>	2	Nghiên cứu Marketing	3*			Tin học ứng dụng	3*			Tin quản trị	4
	Quản trị thương hiệu		Quản trị thương hiệu	3*	Quản trị thương hiệu	2*	Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế	3*	Quản trị thương hiệu	3*	<i>Đàm phán và ký kết hợp đồng kinh tế</i>	2*
	Quản trị nhóm làm việc		Mô phỏng tình huống trong kinh doanh	3							<i>Kỹ năng làm việc nhóm</i>	2*
11	Bài tập lớn Quản trị doanh nghiệp	1										
			Quản trị quan hệ khách hàng	2*			Quan hệ công chúng	3*			<i>Đầu tư bất động sản</i>	2*
B2	HP Mô đun/thực hành	14	Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp	2*	Tổ chức hệ thống thông tin doanh nghiệp	2	Hệ thống thông tin trong quản lý	3			<i>Kỹ năng lãnh đạo và tạo động lực lao động</i>	2*
1	Quản trị doanh nghiệp	3					Quản trị doanh nghiệp	3	Quản trị doanh nghiệp	5	Quản trị doanh nghiệp	3
2	Quản trị Marketing	2	Quản trị Marketing	3	Quản trị Marketing	2			Quản trị Marketing	3*	Quản trị Marketing	4
3	Khởi sự kinh doanh	3	Khởi sự doanh nghiệp	3*			Khởi sự kinh doanh	3	Khởi sự kinh doanh	3*	Kế hoạch kinh doanh	3
4	Quản trị dự án đầu tư	3	Quản trị dự án	2	Quản trị dự án	3	Quản trị dự án	3	Lập dự án đầu tư	4	Lập và phân tích dự án đầu tư	3
5	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	Phân tích hoạt động kinh doanh	3*	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	Phân tích hoạt động kinh doanh	4		
B3	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp (hoặc Thực tập nghề nghiệp)	7	Chuyên đề/Kiến tập ngành QTKD	2	Thực tập nghề nghiệp	4	<i>Thực tập môn học ngành QTKD</i>	2	Thực hành doanh nghiệp mô phỏng	5	Thực tập cơ sở ngành	4
	Thực tập tốt nghiệp	7					<i>Thực tập tốt nghiệp ngành QTKD</i>	4	Thực tập tốt nghiệp	5	Thực tập tốt nghiệp	8
	Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp	9	Luận văn tốt nghiệp	10	Khóa luận TN	6	Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp	6			Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp	7
	Khối lượng toàn khóa (không tính GDQP-AN và GDTC)	135			Khối lượng toàn khóa (không tính GDQP-AN và GDTC)	126	Khối lượng toàn khóa (không tính GDQP-AN và GDTC)	125				
	Khối lượng toàn khóa	146	Khối lượng toàn khóa	140					Khối lượng toàn khóa	138	Khối lượng toàn khóa	149
			<i>Môn thay thế luận văn</i>				<i>KLTN/Tự chọn thay thế khóa luận</i>	6			Sinh viên không làm đồ án/ khóa luận tốt nghiệp đăng ký học thêm 7 tín chỉ trong các học phần sau:	7
			Tiểu luận tốt nghiệp	4			<i>Tổ hợp 1</i>				Dự toán ngân sách doanh nghiệp	4
			Dự báo kinh tế	3			Quản trị kinh doanh thương mại	3			Phân tích đầu tư chứng khoán	3
			Quản trị rủi ro kinh doanh	3			Quản trị DN nhỏ và vừa	3			Thanh toán quốc tế	3
			Quản trị liên văn hóa	2			<i>Tổ hợp 2</i>				Xử lý và duy trì hệ thống thông tin tại nơi làm việc	3
			Sermina QTKD	2			Khởi sự kinh doanh (đã có ở trên)	3				
							Quản trị logistics	3				

TT	Khối kiến thức	Đại học SPKT Vinh		ĐH SPKT HCM		ĐH Quốc gia Hà Nội		ĐHSPKT Vĩnh Long		ĐHSPKT Đà Lạt		Đại học Điện lực	
		Môn học	Số TC	Môn học	Số TC	Môn học	Số TC	Môn học	Số TC	Môn học	Số TC	Môn học	Số TC
		Tiếng anh chuyên ngành tin học	2	Anh văn 4	3			Anh văn chuyên ngành	2				
I.5	Giáo dục thể chất		3		5		4				3		4
		Giáo dục thể chất 1	1	Giáo dục thể chất 1	1	Giáo dục thể chất	4			Giáo dục thể chất 1	1		
		Giáo dục thể chất 2	1	Giáo dục thể chất 2	1					Giáo dục thể chất 2	1		
		Giáo dục thể chất 3	1	Tự chọn Giáo dục thể chất	3					Giáo dục thể chất 3	1		
I.6	Giáo dục quốc phòng		9		165 tiết		9				8,5		11
II	II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		202		171		147		139		218		123
II.1	Cơ sở ngành		130		122		109		99		145		72
		Tin học cơ bản	3		3	Nhập môn lập trình	3	Tin học cơ sở	2	Nguyên lý lập trình cấu trúc	4	Nhập môn tin học	3
		Kỹ năng mềm	3	Kỹ năng học tập đại học	2								
		Kỹ thuật điện - điện tử	3	Điện tử căn bản	3	Kỹ thuật điện	3						
		Nhập môn ngành CNTT	2	Nhập môn ngành CNTT	3	Giới thiệu về CNTT	3			Nhập môn ngành CNTT	4		
		Cấu trúc máy tính	2	Kiến trúc máy tính và hợp ngữ	3	Kiến trúc máy tính	4	Cấu trúc máy tính	3	Kiến trúc máy tính	3	Kiến trúc máy tính	2
		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật 1	3	Nhập môn Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3
		Mạng máy tính	2	Mạng máy tính căn bản	3	Mạng máy tính	4	Mạng máy tính	3	Mạng máy tính	3	Mạng máy tính	2
		Cơ sở dữ liệu	2	Cơ sở dữ liệu	3	Cơ sở dữ liệu	4	Cơ sở dữ liệu	3			Cơ sở dữ liệu	2
		Phân tích thiết kế hệ thống với UML	2		3	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng	3	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3			Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	2
		Ứng dụng AI trong Công nghệ thông tin	2	Tri tuệ nhân tạo	3	Tri tuệ nhân tạo	3	Tri tuệ nhân tạo	3	Tri tuệ nhân tạo	3	Nhập môn tri tuệ nhân tạo	2
		Lập trình nâng cao	2			Lập trình nâng cao	4						
		Lập trình C/C++	2	Nhập môn lập trình	3	Lập trình hướng đối tượng	3	Lập trình căn bản	4			Lập trình C nâng cao	3
		Thiết kế đa phương tiện	2		3	Truyền thông đa phương tiện	3	Tin học ứng dụng	3	Đồ họa ứng dụng	3		
		Lập trình Windows	2	Lập trình trên Windows	3			Lập trình dotNET	4			Lập trình .Net	3
		Cơ sở lập trình Web	2	Lập trình Web	3	Lập trình mạng	3	Lập trình Web	4	Lập trình mạng	3	Cơ sở lập trình Web	2
		Lập trình di động	2	Lập trình di động	3			Lập trình ứng dụng cho thiết bị di động	4			Lập trình trên thiết bị di động	3

TT	Khối kiến thức	Đại học SPKT Vinh		ĐH SPKT HCM		ĐH Quốc gia Hà Nội		ĐHSPKT Vĩnh Long		ĐHSPKT Đà Lạt		Đại học Điện lực	
		Môn học	Số TC	Môn học	Số TC	Môn học	Số TC	Môn học	Số TC	Môn học	Số TC	Môn học	Số TC
		Đồ án phát triển ứng dụng Web	1					Đồ án CNTT 1	1	Đồ án cơ sở	3	Đồ án lập trình Web nâng cao	1
		<i>Chọn 01 trong 02 HP sau:</i>	2										
		Bảo mật thông tin	2*	An toàn thông tin	3					Mật mã học và mã hóa thông tin	3	Nhập môn an toàn và bảo mật thông tin	2
		Công nghệ phần mềm	2*	Công nghệ phần mềm	3	Công nghệ phần mềm	3	Nhập môn CNPM	3	Công nghệ phần mềm	3	Công nghệ phần mềm	2
II.2	Chuyên ngành		46		36		31		28		55		20
		Điện toán đám mây	3	Điện toán đám mây	3	Điện toán đám mây	3	Điện toán đám mây	2	Điện toán đám mây	3	Công nghệ điện toán đám mây	2
		Mẫu thiết kế cho phần mềm	2	Các công nghệ phần mềm mới	3					Phân tích và thiết kế phần mềm	3		
		Khai phá dữ liệu	3	Khai phá dữ liệu	3	Khai phá dữ liệu	3	Khai phá dữ liệu	3	Khai thác dữ liệu	3	Khai phá dữ liệu	2
		Kiểm thử phần mềm	2	Kiểm thử phần mềm	3	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm	3	Kiểm thử phần mềm	3	Kiểm thử phần mềm	3	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng PM	2
		Tri tuệ nhân tạo nâng cao	2	Học máy	3			Nguyên lý máy học	3	Lập trình Python	3	Nhập môn Học máy	2
		Đồ án phát triển ứng dụng di động	1	Tiểu luận chuyên ngành	3			Đồ án CNTT 2	1	Đồ án chuyên ngành	3		
		<i>Chọn 01 trong 02 HP sau:</i>	2										
		Kỹ thuật lập trình nhúng	2*	Hệ thống nhúng	3	Lập trình nhúng và thời gian thực	3	Phát triển phần mềm nhúng	2			Lập trình hệ thống	2
		Xử lý dữ liệu lớn	2*	Xử lý dữ liệu lớn	3			Xử lý dữ liệu lớn	3	Dữ liệu lớn	3		
		<i>Chọn 01 trong 02 HP sau:</i>	2										
		Lập trình song song	2*	Tính toán song song	3					Lập trình song song	3		
		Lập trình Game	2*							Lập trình game	3	Lập trình Game	2
		Quản trị mạng	2			Quản trị mạng	3	Quản trị mạng máy tính	3	Quản trị máy chủ Email	3	Quản trị mạng	2
		Phát triển ứng dụng Windows 1	4			Lập trình nâng cao	4						
		Phát triển ứng dụng Windows 2	2										
		Phát triển ứng dụng Web 1	4			Phát triển ứng dụng Web	3	Lập trình mạng	3	Phát triển ứng dụng web	4	Lập trình Web nâng cao	3
		Phát triển ứng dụng Web 2	2					Phần mềm mã nguồn mở	2	Phát triển ứng dụng web nâng cao	3		

Các số liệu so sánh cho thấy, thời lượng, khối lượng và tỷ lệ các kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành trong chương trình ngành Quản trị kinh doanh của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh đề xuất khá phù hợp với chương trình của các trường được đưa vào bảng so sánh đối chứng. Ngoài ra, chương trình của Khoa đề xuất còn có các ưu điểm: số lượng các tín chỉ phân bổ cho thực hành kỹ năng nghề nghiệp, các môn học cập nhật các kiến thức công nghệ thông tin mới. Các nhận xét này cho thấy Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh đã cố gắng xây dựng một CTĐT ngành Quản trị kinh doanh mang tính tiên tiến, hiện đại phù hợp với xu hướng phát triển chung của giáo dục đại học cả nước.

IV.4. CÁC ĐIỂM BỔ SUNG, CHỈNH SỬA CỦA CTĐT năm 2022 SO VỚI CTĐT năm 2020

CTĐT năm 2022 có những bổ sung, hiệu chỉnh, thay đổi so với CTĐT năm 2020 cụ thể là các điểm sau:

1. CTĐT năm 2022 được xây dựng theo hướng tiếp cận CDIO, lấy “sinh viên là trung tâm của quá trình đào tạo”, đã sử dụng Chuẩn đầu ra làm khởi điểm cho quy trình thiết kế CTDH. Việc xây dựng các CDR là dựa trên nhu cầu các bên liên quan. Trong CTĐT năm 2022, các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể; các CDR được xác định cụ thể và theo các cấp độ: cấp chương trình, cấp học phần và cấp các bài giảng. Các mục tiêu và CDR còn được mã hóa và mô tả tính phù hợp thông qua ma trận đáp ứng CDR với các mục tiêu đào tạo. Để có thể đánh giá được mức độ đạt CDR của người học, CTĐT năm 2022 đã đề xuất cụ thể các phương pháp kiểm tra, giám sát và đánh giá người học một cách hiệu quả.

2. Xây dựng ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CDR của CTĐT.

3. Bổ sung nội dung của Đề cương chi tiết các học phần các CDR của học phần, nội dung, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá đạt CDR của học phần

4. Về cơ cấu kiến thức, CTĐT năm 2022 so với CTĐT năm 2020 đã giảm 0,6% Số TC của Khối kiến thức đại cương; tăng thêm 0,6% Số TC giáo dục chuyên nghiệp; tăng thêm 0,6% Số TC mô đun trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (xem bảng so sánh IV.4)

Bảng IV.4. Phân tích so sánh CTĐT năm 2022 và CTĐT năm 2020

ĐẶC ĐIỂM	CTĐT năm 2020 (CT1)	CTĐT NĂM 2022 (CT2)	Tỷ lệ so sánh CT2/CT1
Năm ban hành	2020	2022	
Thời gian đào tạo	4 năm	4 năm	

ĐẶC ĐIỂM	CTĐT năm 2020 (CT1)	CTĐT NĂM 2022 (CT2)	Tỷ lệ so sánh CT2/CT1
Tổng số TC cần tích lũy	144 (có bao gồm GDTC & GDQP)	146 (có bao gồm GDTC & GDQP)	Tăng 0,2%
Số TC của Khối kiến thức đại cương	49	46	Giảm 0,6%
Số TC giáo dục chuyên nghiệp	95	100	Tăng 1 %
Số TC mô đun trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	12	14	Tăng 16,7%

5. CTĐT năm 2022 đã có các bổ sung, chỉnh sửa nội dung và điều chỉnh lại thứ tự thời gian giảng dạy một số môn học so với CTĐT năm 2020 (xem bảng IV.5, IV.6, IV.7). Các thay đổi này là kết quả tiếp thu ý kiến phản hồi của các doanh nghiệp và cựu sinh viên cùng sự đồng thuận của Hội đồng khoa học nhằm đảm bảo tính tuần tự, hợp lý các kiến thức mà người học cần tiếp thu.

Bảng IV.5 So sánh các môn học trong CTĐT năm 2022 và CTĐT năm 2020

PHỤ LỤC 2

BẢNG ĐỐI CHIẾU SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỚI CHƯƠNG TRÌNH HIỆU CHỈNH NĂM 2020

TT	Mã HP	Chương trình 2022		Mã HP	Chương trình 2020		Ghi chú
		Khối kiến thức/ Học phần	Số TC		Khối kiến thức/ Học phần	Số TC	
I		I. Kiến thức giáo dục đại cương					
I.1		Kiến thức toán và khoa học tự nhiên					
	3DC004DC	Toán cao cấp 1	2	3DC004DC	Toán cao cấp 1	2	
	3DC005DC	Toán cao cấp 2	2	2DC007DC	Xác suất thống kê	2	
	4DC101DH	Xác suất thống kê toán	3				
I.2		Kiến thức khoa học XH & NV					
	2ML004DC	Pháp luật đại cương	2	2ML004DC	Pháp luật đại cương	2	
	1SP521DC	Nhập môn logic học	2	1SP521DC	Nhập môn logic học	2	
	3KT112CD	Lịch sử kinh tế quốc dân	2	2KT001DC	Nhập môn quản trị	2	

					học		
I.3		Kiến thức chính trị, kinh tế					
	3ML007DC	Triết học Mác - Lênin	3	3ML007DC	Triết học Mác – Lênin	3	
	3ML003DC	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	3ML003DC	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	
	3ML005DC	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	3ML005DC	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
	3ML006DC	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	3ML006DC	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
	2ML002DC	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2ML002DC	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
1.4		Tiếng Anh					
	4NN001DC	Tiếng Anh cơ bản 1	3	3NN009DC	Tiếng Anh cơ bản A1	3	
	4NN002DC	Tiếng Anh cơ bản 2	3	3NN010DC	Tiếng Anh cơ bản A2	3	
	4NN009DC	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3NN001DC	Tiếng Anh cơ bản 1	2	
				3NN002DC	Tiếng Anh cơ bản 2	2	
	3NN003DC	Tiếng anh chuyên ngành Kinh tế	2	3NN003DC	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	2	
I.5		Giáo dục thể chất					
	4TQ009DC	Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1)	1	3TQ007DC	Giáo dục thể chất 1 (thể dục + điền kinh)	2	
		SV chọn 1 trong các cặp học phần theo hướng sau					
		Hướng điền kinh					
	4TQ010DC	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 2)	1	3TQ008DC	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)	1	
	4TQ011DC	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 3)	1				
		Hướng bóng chuyền					
	4TQ012DC	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	1				

	4TQ013DC	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	1				
		Hướng bóng đá					
	4TQ014DC	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	1				
	4TQ015DC	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)	1				
		Hướng bóng rổ					
	4TQ016DC	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	1				
	4TQ017DC	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)	1				
I.6		Giáo dục quốc phòng					
	2TQ001DC	Giáo dục QP-AN 1 (Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam)	3	2TQ001DC	Giáo dục QP – AN 1 (Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam)	3	
	2TQ002DC	Giáo dục QP-AN 2 (Công tác quốc phòng, an ninh)	2	2TQ002DC	Giáo dục QP – AN 2 (Công tác quốc phòng, an ninh)	2	
	3TQ003DC	Giáo dục QP-AN 3 (quân sự chung)	1	3TQ003DC	Giáo dục QP – AN 3 (Quân sự chung)	1	
	3TQ004DC	Giáo dục QP-AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	2	3TQ004DC	Giáo dục QP – AN 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	2	
II		II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
II.1		Cơ sở ngành	30				
	4TN305DH	Tin học cơ bản	3	3TN001CD	Nhập môn tin học	2	
	4SP103DC	Kỹ năng mềm	3	3SP003DC	Kỹ năng mềm	2	
	4KT101DH	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	3	3KT102CD	Kinh tế vi mô	2	
	3KT102CD	Kinh tế vi mô	2	3KT101DH	Kinh tế vĩ mô	2	
	3KT101DH	Kinh tế vĩ mô	2	3KT108CD	Phương pháp nghiên cứu kinh doanh	2	
	3KT108CD	Phương pháp nghiên cứu kinh doanh	2	3KT112CD	Lịch sử kinh tế quốc dân	2	
	3KT116CD	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	3KT116CD	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	
	3KT126DH	Lý thuyết tài chính	3	3KT126DH	Lý thuyết Tài chính	3	

		tiền tệ			- Tiền tệ		
	3KT109CD	Kinh tế phát triển	2	3KT109CD	Kinh tế phát triển	2	
	4KT111DC	Marketing căn bản	3				
	3KT146DH	Hành vi tổ chức	2				
	3KT105CD	Thương mại điện tử	2				
	4KT319DH	Bài tập lớn Thương mại điện tử	1				
	Cơ sở ngành (tự chọn)		6	Cơ sở ngành (tự chọn)		8	
	<i>Chọn 01 trong 02 HP sau:</i>		2	<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>		2	
	3KT110CD	Kinh doanh quốc tế	2*	3KT110CD	Kinh doanh quốc tế	2*	
	3KT102DH	Kinh tế quốc tế	2*	3KT102DH	Kinh tế quốc tế	2*	
	<i>Chọn 01 trong 02 HP sau:</i>		2	<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>		2	
	3KT158DH	Kinh tế lao động	2*	3KT147DH	Kinh tế môi trường	2*	
	3KT147DH	Kinh tế môi trường	2*	3KT103CD	Marketing căn bản	2*	
	<i>Chọn 01 trong 02 HP sau:</i>		2	<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>		2	
	3KT103DH	Thị trường chứng khoán	2*	3KT105CD	Thương mại điện tử	2*	
	4KT103DH	Điều hành kênh phân phối	2*	3KT206CD	Quản lý quan hệ khách hàng	2*	
				<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>		2	
				3KT103DH	Thị trường chứng khoán	2*	
				3KT201CD	Điều hành kênh phân phối	2*	
II.2		Chuyên ngành					
	Chuyên ngành (bắt buộc)		25	Chuyên ngành (bắt buộc)		36	
	3KT158DC	Quản trị chiến lược	3	3KT146DH	Hành vi tổ chức	2	
	4KT104DH	Quản trị công nghệ	2	3KT158DH	Kinh tế lao động	2	
	4KT105DH	Quản trị chất lượng	2	3KT207DH	Bài tập lớn Quản trị doanh nghiệp	1	
	4KT143DC	Quản trị nhân lực	3	3KT158DC	Quản trị chiến lược	3	
	3KT111CD	Văn hóa kinh doanh	2	3KT209CD	Quản trị nhân lực	3	

	3KT137DH	Quản trị tác nghiệp	3	3KT212CD	Quản trị tài chính	3	
	4KT111DH	Quản trị tài chính	3	3KT207CD	Quản trị Marketing	2	
	3KT139DH	Quản trị văn phòng	3	3KT211CD	Quản trị chất lượng	2	
	3KT142DH	Tâm lý và đạo đức kinh doanh	3	3KT135DH	Quản trị công nghệ	3	
	4KT318DH	Bài tập lớn Quản trị doanh nghiệp	1	3KT111CD	Văn hóa kinh doanh	2	
				3KT137DH	Quản trị tác nghiệp	3	
				3KT208DH	Bài tập lớn Quản trị tác nghiệp	1	
				3KT139DH	Quản trị văn phòng	3	
				3KT213CD	Khởi sự kinh doanh	3	
				3KT142DH	Tâm lý và đạo đức kinh doanh	3	
	Chuyên ngành (tự chọn)		6	Chuyên ngành (tự chọn)		6	
	<i>Chọn 01 trong 02 HP sau:</i>		2				
	3KT143CD	Quản trị thương hiệu	2*	3KT143CD	Quản trị thương hiệu	2*	
	3KT159DH	Quản trị nhóm làm việc	2*	3KT159DH	Quản trị nhóm làm việc	2*	
	HP Mô đun/thực hành		14			9	
	4KT301DH	Quản trị doanh nghiệp	3	3KT208CD	Quản trị doanh nghiệp	3	
	4KT302DH	Khởi sự kinh doanh	3	3KT214CD	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
	4KT303DH	Quản trị Marketing	2	3KT138DH	Quản trị dự án đầu tư	3	
	4KT304DH	Quản trị dự án đầu tư	3				
	4KT305DH	Phân tích hoạt động kinh doanh	3				
II.3		Khóa luận tốt nghiệp					
	4KT201DH	Thực tập nghề nghiệp	7	3KT209DH	Thực tập sản xuất tại doanh nghiệp (hoặc Thực tập nghề nghiệp)	09	

	4KT202DH	Thực tập tốt nghiệp	7	3KT210DH	Thực tập tốt nghiệp	09	
	4KT333DH	Khóa luận tốt nghiệp	9	3KT211DH	Đồ án/ luận văn tốt nghiệp	7	
				3KT212DH	Tiểu luận tốt nghiệp	7	
		TỔNG CỘNG (không kể GDTC GDANQP)	135			132	
		TỔNG CỘNG	146			144	

Bảng IV.7. Các môn học và số TC đề nghị chỉnh sửa

Tên môn học	Mã môn	Số tín chỉ theo chương trình 2020	Số tín chỉ đề nghị chỉnh sửa
Quản trị công nghệ	3KT135DH	3	2
Quản trị tác nghiệp	3KT137DH	4	3
Quản trị công nghệ	4KT104DH	3	2
Marketing căn bản	4KT111DC	2	3
Kỹ năng mềm	4SP103DC	2	3
Tin học cơ bản	4TN305DH	2	3
Tiếng Anh cơ bản A1	3NN009DC	3	0
Tiếng Anh cơ bản A2	3NN010DC	3	0
Tiếng Anh cơ bản 1	3NN001DC	2	3
Tiếng Anh cơ bản 2	3NN002DC	2	3
Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế	3NN004DC	2	2
Xác suất thống kê toán	2DC007DC	2	3

HIỆU TRƯỞNG



TS. Phạm Hữu Truyền